

Buôn Ma Thuột, ngày 02 tháng 6 năm 2022

THƯ MỜI

THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Cổ đông :

Địa chỉ :

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk, Hội đồng quản trị Công ty kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 với thông tin như sau:

Tổ chức cuộc họp ĐHCĐ :

Thời gian: 7h30, Thứ hai, ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Địa điểm: Hội trường tầng 1 - Trung tâm tiệc cưới - Khách sạn Dakruco,
30 Nguyễn Chí Thanh - P. Tân An-Tp. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk

Nội dung cuộc họp ĐHCĐ:

Tài liệu nội dung cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 được Công ty đăng tải tại website: <http://www.dakruco.com> từ ngày 6/6/2022 và gửi Quý Cổ đông khi tham dự cuộc họp.

Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông có thể vui lòng Đăng ký tham dự cuộc họp ĐHCĐ tại Phòng Hành chính Công ty hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự cuộc họp về địa chỉ dưới đây trước 17 giờ 00 phút ngày 25/6/2022.

Ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHCĐ:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp ĐHCĐ, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp hoặc Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 25/6/2022 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự cuộc họp ĐHCĐ.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

- Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Phòng Hành chính
 - Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - P. Tân An-Tp. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk
- ĐT (0262) 3865015 Fax: (0262) 3865041

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự họp ĐHCĐ vui lòng mang theo các giấy tờ sau: Thư mời tham dự cuộc họp và Giấy ủy quyền (nếu có); Giấy CMND hoặc căn cước công dân.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.

Trân trọng !



Nguyễn Việt Tượng



CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
(Ngày 27 tháng 6 năm 2022)

Thời gian	Nội dung
7h30-8h00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông <ul style="list-style-type: none">○ Đón tiếp và đăng ký đại biểu○ Phát tài liệu cho cổ đông.
8h -8h30	Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ <ul style="list-style-type: none">○ Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu○ Thông qua biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty○ Giới thiệu và bầu Đoàn chủ tịch – <i>Đoàn Chủ tịch lên làm việc, chủ tọa để cử và bầu Ban thư ký của Cuộc họp</i>○ Khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông○ Thông qua Chương trình họp và Quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ (<i>Biểu Quyết</i>)○ Bầu Ban kiểm phiếu <i>- Đề cử và bầu ban kiểm phiếu, tổ giúp việc và xin biểu quyết.</i>
8h30 - 10h30	HĐQT, trưởng ban KS, Ban điều hành trình bày các báo cáo và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022;2. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;3. Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Kiểm toán độc lập;4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;5. Trình bày các nội dung xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ <p><i>-Tờ trình thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022;</i> <i>-Tờ trình về chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022;</i> <i>-Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021;</i> <i>-Tờ trình về kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022;</i> <i>- Tờ trình về việc bổ sung Điều lệ Công ty;</i> <i>- Tờ trình về điều chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</i></p> <p>Thảo luận và giải đáp thắc mắc của cổ đông</p>
10h30-10h40	Hướng dẫn về biểu quyết thông qua các nội dung theo phiếu biểu quyết
10h40-11h00	ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết - Thu phiếu biểu quyết
11g00-11h30	Miễn nhiệm và Bầu thành viên Ban Kiểm soát. <i>- Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát</i> <i>- Hướng dẫn và tổ chức bầu cử</i> <i>- ĐHĐCĐ bầu cử và thu phiếu bầu cử</i>
11h30-11h50	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung.
11h50-12h	Bế mạc Cuộc họp <ul style="list-style-type: none">○ Thông qua dự thảo <i>biên bản</i> và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ○ Tuyên bố bế mạc

Ban kiểm phiếu

1. Võ Đình Thanh Tuấn
2. Lê Thanh Bình
3. Phạm Thị Thúy Băng Huyền

Tổ giúp việc

1. Hoàng Chí Linh
2. Nguyễn Thị Thanh Hương
3. Âu Quý Vinh
4. Lê Thị Minh Hạnh

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

Nhằm đảm bảo cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- | | | |
|------------------|---|---------------------------------|
| - Công ty | : | Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk; |
| - HĐQT | : | Hội đồng quản trị; |
| - BKS | : | Ban Kiểm soát; |
| - Kiểm soát viên | : | Thành viên Ban Kiểm soát; |
| - BTC | : | Ban tổ chức Đại hội; |
| - ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông; |

- Cuộc họp : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, Cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp Cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Cuộc họp lần hai và trong trường hợp này Cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4.2. Điều kiện đại biểu tham dự Cuộc họp

Các đại biểu có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 31/5/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3. Khách mời tại Cuộc họp

- Là các chức danh quản lý của Công ty, đại diện công ty kiểm toán độc lập, khách mời, thành viên trong BTC Cuộc họp không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Cuộc họp.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Cuộc họp (trừ trường hợp được Chủ tọa Cuộc họp mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Cuộc họp và được Chủ tọa Cuộc họp đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Cuộc họp phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của BTC Cuộc họp.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Cuộc họp tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Cuộc họp.

- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Cuộc họp để cho đại biểu đến muộn

đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Cuộc họp.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Cuộc họp.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc mời cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Cuộc họp, để đảm bảo Cuộc họp diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu; Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Cuộc họp theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Cuộc họp đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại được ĐHĐCĐ bầu một người trong số họ làm chủ tọa Cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

• Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

• Hướng dẫn các đại biểu và Cuộc họp thảo luận các nội dung có trong chương trình;

• Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

• Trả lời những vấn đề do Cuộc họp yêu cầu;

• Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Cuộc họp.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Cuộc họp

- Chủ tọa Cuộc họp cử 02 người làm thư ký Cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Cuộc họp;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký Cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Cuộc họp gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do chủ tọa giới thiệu tại Cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- * Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- * Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định của điều 145 Luật doanh nghiệp thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8 Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu để ĐHĐCĐ thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Cuộc họp những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

4.9 Phát biểu tại Cuộc họp

Đại biểu tham dự Cuộc họp khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Cuộc họp. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần

trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Cuộc họp tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Cuộc họp sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của đại biểu tại Cuộc họp hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Cuộc họp

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Cuộc họp đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, được đóng dấu và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Cuộc họp (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

* Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Cuộc họp; Quy chế làm việc tại Cuộc họp; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Ban Kiểm soát; Đoàn chủ tịch; Thành phần Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung khác tại Cuộc họp (nếu có);

* Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021; và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình tại Cuộc họp.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

* Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

* Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông

và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

* Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Cuộc họp, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Cuộc họp theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** : Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ hoặc mã vạch của Công ty; phiếu đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

- Phiếu hợp lệ từng nội dung:

Phiếu biểu quyết để đánh dấu vào các ô được tính không hợp lệ theo từng nội dung, nếu nội dung nào không đánh vào cả ba ô (bỏ trống) hoặc đánh dấu từ hai ô đến ba ô thì xem như nội dung đó không hợp lệ, các nội dung khác nếu đánh dấu hợp lệ thì vẫn được tính cho từng nội dung hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 31/5/2022) tổng số cổ phần của Công ty là: 158.000.000 cổ phần tương đương với 158.000.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Cuộc họp (Khoản 2, điều 148 Luật Doanh nghiệp)

- 4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Cuộc họp.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Cuộc họp có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác; chấp hành việc phòng chống dịch Covid -19 do Ban Tổ chức đề ra.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; mời những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI ĐỒNG ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Viết Tượng
CHỦ TỊCH HĐQT**

Số:

Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm

DỰ THẢO

BÁO CÁO **HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021 VÀ** **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Thực hiện Điều lệ Công ty đã được bổ sung, sửa đổi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thay mặt HĐQT tôi xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2021:

1. Thông tin về thành viên HĐQT:

Năm 2021 thành phần HĐQT vẫn được duy trì không có sự thay đổi, bao gồm có 07 thành viên như sau :

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Việt Trọng	Chủ tịch HĐQT	TV Không điều hành
2	Bùi Quang Ninh	TV.HĐQT <i>Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	TV Điều hành
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Kế toán trưởng</i>	TV Điều hành
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT <i>TP, Nhân sự - Pháp chế</i>	TV Điều hành
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT	TV Độc lập
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT	TV Độc lập

2. Hoạt động của HĐQT năm 2021 :

Trong năm 2021 HĐQT đã triển khai họp ĐHCĐ thường niên và tiến hành họp HĐQT định kỳ đúng với quy định của Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp; việc họp HĐQT đảm bảo mỗi quý họp 01 lần, trường hợp xét thấy cần thiết giải quyết những nội dung công việc quan trọng thì đã tiến hành họp HĐQT bất thường; tại mỗi lần họp các thành viên tham dự đều đạt từ 86% trở lên. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều xem xét, đánh giá kết quả SXKD quý trước liền kề và các nội dung trình HĐQT của Ban điều hành để tháo gỡ những khó khăn, định hướng sản xuất kinh doanh đặc biệt là nguồn vốn cho sản xuất. Bên

cạnh đó việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT cũng được triển khai nhanh chóng để ban hành các nghị quyết kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cụ thể, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ trực tiếp, 12 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 16 nghị quyết. Các nghị quyết của HĐQT trọng tâm vào việc trình ĐHCĐ sửa đổi Điều lệ, các quy chế cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2020; sửa đổi một số quy chế cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Chứng khoán 2019. Ngoài ra ban hành Quy chế Công bố thông tin; ban hành mới Quy định đánh giá, xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty, Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; phê duyệt Đề án củng cố và phát triển Công ty giai đoạn 2021-2025; Ban hành các nghị quyết chỉ đạo phát triển cao su bền vững; chuyển đổi số; sản xuất cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC); chủ trương thoái vốn, huy động các nguồn vốn vay để tháo gỡ khó khăn về tài chính cho Công ty; định hướng công tác tổ chức cán bộ để phù hợp với nhu cầu và phát triển của Công ty...

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành thực hiện căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật

3. Kết quả đánh giá phân loại HĐQT và thành viên HĐQT năm 2021:

Tại biên bản kiểm phiếu xếp loại HĐQT và thành viên HĐQT ngày 14/3/2022: HĐQT thống nhất đánh giá phân loại tập thể HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ và phân loại từng thành viên HĐQT như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức phân loại
1	Nguyễn Việt Tượng	Chủ tịch HĐQT	Hoàn thành nhiệm vụ
2	Bùi Quang Ninh	TV.HĐQT <i>Tổng Giám đốc</i>	Hoàn thành nhiệm vụ
3	Nguyễn Độ	TV. HĐQT <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
4	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT <i>Kế toán trưởng</i>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5	Nguyễn Văn Cúc	TV. HĐQT <i>TP, Nhân sự - Pháp chế</i>	Hoàn thành nhiệm vụ
6	Đỗ Văn Định	TV. HĐQT độc lập	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
7	Nguyễn Văn Nam	TV. HĐQT độc lập	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

II. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành :

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các buổi giao ban định kỳ của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Qua đó, vừa nắm bắt tình hình, vừa kịp thời chủ động đề xuất, chỉ đạo và cùng Ban điều hành giải quyết các vướng mắc nhằm đảm bảo thống nhất chủ trương của HĐQT trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc thực hiện căn cứ vào Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đảm bảo hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật :

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các nghị quyết HĐQT trong năm 2021.

- Chỉ đạo và giám sát hoạt động đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh tế tốt hơn. Đôn đốc Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch khai thác, chăm sóc vườn cao su, công tác bán hàng và đầu tư xây dựng cơ bản để mang lại hiệu quả.

- Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo Quản trị định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo thông tin được minh bạch và công bằng giữa các cổ đông, tôn trọng lợi ích của các bên có liên quan. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các thông tin liên quan được công bố công khai, kịp thời trên hệ thống phần mềm IDS, gửi UBCKNN Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng tải trên Website công ty theo đúng quy định công bố thông tin của UBCKNN.

Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT và Ban Kiểm soát công ty đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2021 cơ bản đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty:

+ Ban Tổng Giám đốc đã thực thi nhiệm vụ đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị, thực hiện đúng và đầy đủ các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Điều hành Công ty cơ bản đã hoàn thành mục tiêu năm 2021; hoạt động đúng định hướng chỉ đạo của HĐQT, các chỉ tiêu lớn do ĐHĐCĐ đề ra đều vượt. Các hoạt động về đầu tư xây dựng cơ bản, thanh lý vườn cao su, Dự án trồng cây nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và quy định pháp luật. Dự án triển khai đúng tiến độ, chất lượng và cơ bản đã đạt được hiệu quả.

+ Quản lý tài chính tốt, cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư, sản xuất kinh doanh, không có nợ xấu. Báo cáo tài chính các quý, báo cáo bán niên được thực hiện đúng tiến độ, phản ánh đầy đủ chính xác theo những chuẩn mực kế toán và được công bố thông tin kịp thời.

- Kết quả đạt được so với nghị quyết do ĐHĐCĐ đề ra như sau:

a/ Về sản lượng các loại sản phẩm:

+ Sản lượng mủ cao su 7.327 tấn/5.526 tấn , đạt 132,6% kế hoạch năm.

+ Sản lượng chế biến sợi chỉ thun: 3.846,35 tấn/KH 1.800 tấn, đạt 213,7 % kế hoạch năm.

+ Sản lượng chuối: 5.660 tấn/KH 5.491 tấn, đạt 103% kế hoạch năm.

+ Sản lượng dứa MD2 : 95,5 tấn
b/ Về doanh thu và lợi nhuận :
- Tổng doanh thu thực hiện 760,5 tỷ đồng/427,6 tỷ đồng, đạt 177,8%
- Lợi nhuận trước thuế đạt 61,490 tỷ đồng/ 50,38 tỷ đồng, đạt 122,1% (lợi nhuận kế hoạch đã bao gồm bán khách sạn, nếu loại trừ do chưa bán được khách sạn thì lợi nhuận năm 2021 đạt trên 380% kế hoạch).

c/ Về công tác trồng tái canh cao su :

Diện tích trồng mới cao su: 416,2 ha/549,59 ha, đạt 75,7%.

III. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao cho người quản lý và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện trong năm 2021 là 2.753,601 triệu đồng, trong đó được ĐHCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2021: 2.456,012 triệu đồng, tăng 297,589 triệu đồng, thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội. Phân phối quỹ tiền lương và thù lao năm 2021, như sau:

+ Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 2.531,49 triệu đồng.

+ Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách: 213,711 triệu đồng.

+ Đã chi trong năm 2021 là: 1.512,216 triệu đồng, số còn lại sẽ thực hiện trong năm 2022.

- Chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã thực hiện 8,4 triệu đồng/200 triệu đồng, bằng 4,2% kế hoạch.

IV. Định hướng hoạt động của năm 2022.

Bước vào năm 2022, trong bối cảnh kinh tế của Việt Nam và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn do dịch Covid -19 trên toàn thế giới chưa được đẩy lùi, mặt dù đã có vaccin phòng Covid -19; đặc biệt tình hình chiến sự giữa Nga và Ucraina đã lên đến đỉnh điểm đẩy giá xăng dầu tăng cao làm tăng chi phí sản xuất và vận chuyển; sự suy thoái kinh tế của các nền kinh tế lớn trong năm 2022 sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phục hồi kinh tế thế giới; giá mủ cao su đã có bước phục hồi, nhưng chưa thật sự ổn định... , tất cả vấn đề đó chắc chắn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến giá mủ cao su thiên nhiên và giá chuỗi tươi của Công ty. Cùng với đó biến đổi khí hậu ngày càng lớn, năm nay thời tiết lạnh kéo dài, nắng gay gắt hơn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây và sản lượng mủ cao su, cũng như sản phẩm chuỗi. Vì vậy năm 2022 tiếp tục là năm có nhiều rủi ro và thách thức đặt ra đối với HĐQT.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông lần này, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động với các định hướng mục tiêu và giải pháp như sau :

1. Định hướng một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD 2022 .

- Tổ chức khai thác và mua ngoài: 6.164,12 tấn mủ cao su quy khô;

- Xuất bán : 6.100 tấn; trong đó xuất khẩu 45%, bán nội địa chiếm 55%;
- Sản phẩm chỉ thun : 2.900 tấn
- Sản lượng chuối xuất bán : 6.100 tấn;
- Sản lượng mít : 700 tấn;
- Sản lượng dứa : 100 tấn;
- Tổng doanh thu : 700.000 triệu đồng
- Tổng chi phí : 614.269 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 85.731 triệu đồng
- Trồng tái canh 339,81ha cao su theo mô hình trồng cao su hàng kép xen canh.

2. Giải pháp :

- Tìm kiếm các giải pháp hữu hiệu, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

- Tập trung lãnh đạo công tác phòng chống dịch Covid-19, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng dịch bệnh xâm nhập vào Công ty và các đơn vị, không để tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị đứt gãy.

- Tiếp tục hoàn thiện việc thoái vốn chi nhánh Khách sạn Dakruco trong quý II/2022 và hoàn thành thoái 30,6% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk. Song song với đó, tiếp cận các ngân hàng thương mại để vay vốn tái canh cây cao su và dự án NNUDCNC; đồng thời tái cơ cấu nợ vay, tái cơ cấu tài chính Công ty; không để xảy ra tình trạng mất thanh khoản.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả lĩnh vực khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su trên cơ sở xây dựng và phát triển thương hiệu Dakruco gắn với nhãn hiệu cao su Việt Nam; đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Đối với sản phẩm trái cây duy trì, phát triển bền vững đạt tiêu chuẩn VietGap và GlobalGap; tìm kiếm bạn hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu để đảm bảo việc kinh doanh các sản phẩm ổn định về thị trường. Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống quản lý môi trường theo các tiêu chuẩn ISO.

- Trả cổ tức bằng hình thức cổ phiếu thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trả cổ tức khi được UBND tỉnh chấp thuận

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của HĐQT, đề nghị ĐHĐCĐ thảo luận, đóng góp ý kiến để HĐQT Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 giao.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận

- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải Website);
- Lưu VT.

Nguyễn Viết Tượng

Số:

Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm

DỰ THẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2022 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Nay, Tổng Giám đốc xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Ban điều hành năm 2021 và nhiệm vụ năm 2022 với các nội dung chủ yếu như sau:

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

Năm qua, với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, đã tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh đến từng đơn vị sản xuất; giá bán mủ cao su bình quân và giá bán cây cao su thanh lý có cải thiện, cao hơn năm 2020... góp phần hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã đề ra.

2. Khó khăn:

- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp từ đầu năm, đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty, làm tăng các chi phí chi phí vật tư, hóa chất, phân bón và logistics; với các đợt dịch bệnh cao điểm phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất, xuất hàng, đặc biệt là tại NT Cư Bao, NMCB mủ, NMCB chỉ thun khi phải thực hiện phương án 3 tại chỗ; Nông trường Cư Bao không có lao động chăm sóc nên ảnh hưởng lớn đến chất lượng chuỗi thu hoạch trong quý 4/2021 và công tác chăm sóc các cây trồng nên làm chậm sinh trưởng vườn cây dứa MD2, sầu riêng, mít; Khách sạn Dakruco phải dừng hoạt động hơn 8 tháng; Dakmoruco không tuyển dụng đủ lao động...

- Hiện nay UBND tỉnh chưa phê duyệt phương án sử dụng đất rà soát sau CPH nên chưa khắc phục được các tồn tại liên quan đến đất đai, dự án đầu tư; một số chủ trương không thể thực hiện được, vì vậy cũng ảnh hưởng ít nhiều đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chủ trương thoái 30,6% vốn điều lệ tại DRI do Công ty sở hữu; bán tài sản Khách sạn và Văn phòng Công ty vẫn chưa triển khai được, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính Công ty...

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Ban Điều hành đã kịp thời chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển

khai thực hiện 16 Nghị quyết Hội đồng Quản trị và 01 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; sửa đổi ban hành 04 quy chế quản lý, quản trị; chỉ đạo các phòng ban, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ và kết quả như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

1.1. Công tác sản xuất, chế biến:

- Tổng diện tích cao su Công ty trực tiếp đang quản lý là 7.145,18 ha. Trong đó: *cao su kinh doanh: 2.314,83 ha, cao su KTCB: 4.282,34 ha, cao su trồng mới năm 2021: 416,2 ha*, diện tích cao su thanh lý và chưa trồng mới hiện đang làm thủ tục đầu tư dự án NNUĐCNC tại NT Cư Mgar: 131,81 ha; diện tích cao su liên kết 919,38 ha.

- Tổng sản lượng mủ cao su khai thác năm 2021 đạt: **7.327 tấn/** 5.526 tấn cao su quy khô, đạt 132,6% Nghị quyết HĐQT. Trong đó: Sản lượng từ vườn cây Công ty: 3.745 tấn, sản lượng từ vườn cây liên kết: 989 tấn và sản lượng mua ngoài: 2.593 tấn.

- Tổng SP mủ cao su chế biến năm 2021 thực hiện: 7.531,6 tấn. Trong đó: Sản phẩm cao su khối (SVR) chiếm 100%, sản phẩm cao su ly tâm (HA) không sản xuất.

- Quá trình chăm sóc vườn cây cao su kinh doanh và vườn cây cao su KTCB được triển khai thực hiện đúng tiến độ, đúng quy trình. Năng suất, chất lượng cây được đánh giá ở mức phát triển ổn định.

1.2. Công tác kinh doanh bán hàng:

Trên cơ sở công thức bán hàng được HĐQT Công ty phê duyệt, Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai mua nguyên liệu và bán sản phẩm cao su đảm bảo theo theo quy định, cụ thể đạt được kết quả sau:

a) Kết quả bán hàng sản phẩm cao su như sau:

- Năm 2021 xuất bán: 7.216 tấn sản phẩm cao su quy khô/KH 5.000 tấn, đạt 144,3%KH. Trong đó, xuất khẩu: 3.750 tấn, chiếm 52%; xuất bán nội địa: 3.466 tấn, chiếm 48%.

- Doanh thu SP cao su: 285,1 tỷ đồng/150 tỷ đồng, đạt 190%KH năm.

- Giá bán bình quân đạt: 39,44 triệu đồng/tấn (*không bao gồm mủ phế phẩm*), đạt 131,3% KH (NQ HĐQT: 30,01 triệu đồng/tấn).

- Giá bình quân xuất khẩu: 1.872 USD/tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu: 7,01 triệu USD/KH 3,2 triệu USD, đạt 219% KH.

b) Thu mua nguyên liệu mủ cao su:

Năm 2021 Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác mua mủ nguyên liệu bên ngoài, đạt 173%KH (2.593/1.500 tấn), giá mua mủ cao su nguyên liệu của Công ty được điều chỉnh phù hợp với thị trường trong từng thời điểm.

1.3. Công tác tài chính:

- Tổng doanh thu và thu nhập năm 2021 đạt: **756,5 tỷ đồng/**427,6 tỷ đồng, đạt 176,9% kế hoạch. Trong đó:

+ *Doanh thu từ cao su* :285,11 tỷ đồng;

+ Doanh thu từ NMCB chỉ thun	:266,29 tỷ đồng;
+ Doanh thu chuỗi xanh	:28,83 tỷ đồng;
+ Doanh thu dừa MD2	:0,5 tỷ đồng;
+ Doanh thu từ dịch vụ khách sạn	:8,16 tỷ đồng;
+ Còn lại là doanh thu, thu nhập khác.	

- Lợi nhuận trước thuế đạt: **Lãi: 62,75 tỷ đồng/** KH 50,38 tỷ đồng bằng 124,6 % kế hoạch, tương đương vượt 12,37 tỷ đồng; (Nếu không tính kế hoạch lãi do chưa bán được khách sạn thì lãi so với kế hoạch đạt 384%).

- Nộp ngân sách nhà nước: Tổng số thuế phải nộp ngân sách nhà nước trong năm (bao gồm cả phần kiến nghị nộp của KTNN và nợ năm trước chuyển qua) là 62,13 tỷ đồng, số đã nộp trong năm là 36 tỷ đồng.

- Tình hình tài chính Công ty: Tại thời điểm 31/12/2021 nợ phải trả: 649,6 tỷ đồng. Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn 416,6 tỷ đồng, nợ dài hạn 233 tỷ đồng.

1.4. Công tác trồng tái canh cao su:

- Năm 2021, trồng mới cao su với tổng diện tích 416,2 ha/549,59 ha, đạt 75,7%KH. Công tác trồng mới tái canh cao su không đạt, nguyên nhân diện tích tại NT CưMgar có 131,81 ha cao su thanh lý không kịp thời vụ do đối tác bàn giao mặt bằng chậm vì vậy chuyển trồng tái canh cao su sang năm 2022 (theo NQ: 06/NQ-HĐQT ngày 21/05/2021).

- Diện tích vườn cao su trồng mới 2021 do nguồn giống khan hiếm và công tác vận chuyển hàng hoá khó khăn nên thời gian đơn vị cung ứng cây giống cũng bị ảnh hưởng dẫn đến kết thúc thời vụ trồng muộn, làm ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây.

1.5. Công tác thực hiện đầu tư XD CB:

Năm 2021, Công ty chỉ tập trung đầu tư vào các hạng mục công trình thiết yếu trực tiếp phục vụ sản xuất như: Sửa chữa hệ thống đường lô phục vụ công tác vận chuyển mù nguyên liệu tại các đơn vị, ưu tiên phục vụ sản xuất. Năm 2021 đã triển khai đầu tư 27/31 hạng mục công trình theo KH, với tổng vốn đầu tư 12,31 tỷ đồng/26,28 tỷ đồng theo KH. Đã quyết toán hết các hạng mục công trình được đầu tư hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

1.6. Công tác lao động, tiền lương và thực hiện chế độ chính sách:

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2021 là: 2.642 người (nam: 1.128 người, nữ: 1.514 người). Trong đó lao động gián tiếp: 374 người (chiếm 14,16%), lao động trực tiếp 2.268 người; lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số 936 người (chiếm 35,43%).

- Thu nhập bình quân người lao động (Khôi gián tiếp, kinh doanh và dịch vụ): 7,44 triệu đồng/KH 7,12 triệu đồng/người/tháng làm việc đạt 104,51% kế hoạch, tiền lương được chi trả kịp thời.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản, dưỡng sức, thi đua khen thưởng, chuyển xếp và nâng lương, khám sức khỏe định kỳ theo quy định hiện hành. Trong năm đã trích nộp BHXH: 42,24 tỷ đồng theo quy định. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Công ty đã kịp thời hỗ trợ đóng BHXH cho người lao động tại Chi nhánh KS Dakruco.

1.7. Công tác quản lý chất lượng, môi trường và chương trình phát triển cao su bền vững:

- Thực hiện duy trì hệ thống QLCL, QLMT về ISO 9001:2015 và 14001:2015 theo quy định. Kết quả đánh giá giám sát của Quacert trong tháng 01/2022 đối với 02 hệ thống đã được tiếp tục cấp chứng nhận. Hệ thống ISO/IEC 17025 được văn phòng công nhận chất lượng (BoA) đánh giá và tiếp tục cấp giấy chứng nhận trong tháng 8/2021. Hiệp hội cao su Việt Nam tiếp tục duy trì chứng nhận Nhãn hiệu cao su Việt Nam đối với 04 sản phẩm của Công ty.

- Triển khai kế hoạch phát triển cao su bền vững theo tiêu chuẩn FSC-FM và FSC-CoC đối với khoảng 1.000 ha cao su tại Nông trường 19/8 và Nông trường Phú Xuân. Triển khai đào tạo và tư vấn chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm FSC theo tiêu chuẩn FSC- CoC. Tập trung lập và hoàn thiện hồ sơ để được cấp chứng nhận FSC-FM cho Nông trường 19/8, Nông trường Phú Xuân và FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ cao su trong năm 2022.

1.8. Công tác quản lý đất đai:

- Tổng diện tích Công ty đang quản lý 8.997,2 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 8.948,7 ha; đất phi nông nghiệp 42 ha và đất chưa sử dụng 6,5ha.

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất rà soát sau cổ phần hóa. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để các Sở, ngành tham mưu trình UBND tỉnh cấp chứng nhận đầu tư về Dự án nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Cư Bao, cấp phép quy hoạch 1/500; tục hoàn thiện hồ sơ về dự án NNCNC tại NT Cư Mgar để trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương.

- Triển khai khắc phục những tồn tại, khuyết điểm tại Kết luận thanh tra số: 7337/KL-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về quản lý, sử dụng đất đai, sử dụng lao động.

2. Hoạt động của chi nhánh đặc thù, chi nhánh dịch vụ và công ty con:

2.1. Hoạt động của Chi nhánh Nông trường Cư Bao:

- Sản lượng chuỗi xanh thu hoạch năm 2021 đạt 103% kế hoạch đề ra; sản lượng chuỗi tươi xuất bán đạt 96,9% KH. Năm 2021 do diễn biến thời tiết bất lợi, vườn cây bước qua năm thứ 3 các loại nấm bệnh gây hại nhiều. Đặc biệt, thời điểm bị ảnh hưởng dịch Covid-19 phải phong tỏa Nông trường gần 2 tháng, làm khó khăn trong công tác chăm sóc, vận chuyển, xuất khẩu nên ảnh hưởng đến chất lượng một số lô hàng và kế hoạch bán hàng của Công ty.

- Diện tích chuỗi trồng mới năm 2021 đạt 24,7 ha, đạt 100% KH, hiện nay vườn cây sinh trưởng, phát triển ổn định.

- Thu hoạch 229.126 chồi dứa và triển khai trồng mới vườn dứa được 4,8 ha, diện tích còn lại sẽ tiếp tục tách chồi và trồng hoàn chỉnh đầu năm 2022.

- Diện tích cây sàu riêng: Sinh trưởng, phát triển ổn định.

- Diện tích cây mít: Sinh trưởng, phát triển tốt, đang tiến hành chọn cây đáp ứng yêu cầu cho ra quả.

2.2. Hoạt động của Nhà máy Chế biến chỉ thun:

- Năm 2021, Chi nhánh đã sản xuất: 3.383 tấn/1.800 tấn, đạt 204,6%KH; doanh thu 266,29 tỷ đồng, đạt 241%KH. Kết quả kinh doanh lợi nhuận 5 tỷ đồng/-5,9 tỷ đồng KH.

- Chất lượng sản phẩm đã ổn định và ngày càng nâng cao, tỷ lệ hạng A năm 2021 đạt 96,03%/ 96,00%, đạt 100,03% kế hoạch.

2.3. Hoạt động của Khách sạn DAKRUCO:

Năm 2021, do ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch Covid-19, Khách sạn phải tạm dừng hoạt động trong thời gian dài, không có khách hàng, doanh thu chỉ đạt 8,1 tỷ đồng.

2.4. Hoạt động của Dakmoruco:

Năm 2021 tại dự án Campuchia gặp nhiều khó do dịch bệnh Covid-19, từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021 bị thiếu lao động. Tuy nhiên, Dakmoruco đã cố gắng phấn đấu đưa diện tích: 1.441,9 ha cao su vào khai thác. Tổng sản lượng mủ cao su khai thác thực hiện đạt 2.504,14 tấn/2.500 tấn mủ quy khô, đạt 100,16% KH; Doanh thu 82,96 tỷ đồng/KH 70,75 tỷ đồng, đạt 117,3% KH; Lợi nhuận 15,43 tỷ đồng/KH 1,59 tỷ đồng, đạt 970,4% KH.

3. Đánh giá chung kết quả quản lý điều hành SXKD năm 2021:

Năm 2021, đại dịch Covid -19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm mủ cao su, các sản phẩm trái cây và hoạt động dịch vụ Khách sạn Dakruco của Công ty. Với nỗ lực và quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành và tập thể CBCNV Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD đề ra, kết quả đạt được như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	Thực hiện 2021	TL % so KH
1	Tổng sản lượng mủ cao su	Tấn	5.526	7.327	132,6
3	Giá bán bình quân	Trđ/tấn	30,01	39,40	131,3
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	427,6	756,5	176,9
	+ Doanh thu bán mủ cao su	Tỷ đồng	150,1	285,11	189,9
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,38	62,75	124,6
7	Thu nhập bình quân/tháng	Trđ	7,12	7,44	104,5
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	-	62,13	

PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

1. Các chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh và đầu tư chủ yếu năm 2022

TT	Các chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2022	Ghi chú
1	Tổng sản lượng các sản phẩm	tấn	16.464,12	
1.1	Sản lượng mủ cao su	“	6.164,12	
	<i>Trong đó:- Cao su nguyên liệu tồn kho</i>		180	
	- Cao su khai thác vườn cây Cty		3.555,12	
	- Cao su liên kết		429	
	- Cao su mua ngoài		2.000	
1.2	Sản lượng sợi chỉ thun	“	2.900	
1.3	Sản lượng chuối tươi các loại	“	6.600	
1.4	Sản lượng mít tươi		700	
1.5	Sản lượng dứa tươi		100	
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Trđ	700.000	
2.1	Doanh thu bán mủ cao su	Trđ	222.332	
2.2	Doanh thu sợi chỉ thun	“	194.774	
2.3	Doanh thu trái cây tươi (chuối, mít, dứa)	“	65.540	
2.4	Doanh thu trồng xen, hoạt động tài chính và khác	“	99.973	
3	Tổng chi phí	Trđ	614.269	
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	85.731	
5	Thu nhập bình quân/tháng	Trđ	7,67	
6	Chi phí đầu tư	Trđ	223.501	
6.1-	<i>Đầu tư trồng mới CS và KTCB</i>	“	131.123	
6.2-	<i>Đầu tư cây ăn trái</i>	“	24,225	
6.2-	<i>Đầu tư khác vườn cây (sử chữa, XD CB)</i>	“	63.212	

2. Các chỉ tiêu đầu tư và phát triển:

2.1. Triển khai thủ tục đầu tư và tổ chức đầu tư Dự án Nông nghiệp Công nghệ cao tại Cư Mgar (*kể cả trồng xen dứa MD2 trong vườn cao su*), bao gồm vùng trồng cây ăn quả và Nhà máy chế biến sau khi có ý kiến của UBND tỉnh và tìm kiếm được đối tác hợp tác về cung ứng giống dứa MD2, công nghệ chế biến, tiêu thụ sản phẩm trái cây.

2.2. Chỉ đạo Dakmoruco vay vốn ngân hàng thương mại tại Campuchia để đầu tư nhà máy chế biến mủ cao su với sản phẩm mủ SVR10, 20, công suất 2000 tấn/năm và đầu tư các hạng mục nhà ở, nhà làm việc, trạm xá, kéo điện lưới... Tiếp tục kinh doanh có lãi, từng bước chuyển vốn về Công ty mẹ.

2.3. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải và quan trắc môi trường tại Nhà máy Chế biến mủ; hệ thống xử lý nước thải Nhà máy Chế biến chỉ thun.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Một số giải pháp kỹ thuật và tổ chức sản xuất:

1.1. Triển khai kế hoạch trồng tái canh cao su và trồng xen cây ngắn ngày, dài ngày theo Quy trình kỹ thuật cây cao su do Bộ NN&PTNT ban hành tại Quyết định số 4689/QĐ-NN-PTNT ngày 01/12/2021 và đã được Sở NN&PTNT tỉnh hướng dẫn tại công văn số: 3989/SNN-TTBVTV ngày 08/12/2021.

1.2. Tăng cường các giải pháp kỹ thuật thâm canh, chăm sóc, phòng trị dịch bệnh cho các loại hình vườn cây cao su nhằm duy trì sự phát triển, năng suất và sản lượng; tổ chức tốt công tác khai thác phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng. Không ngừng nâng cao chất lượng tay nghề công nhân khai thác, chăm sóc để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật góp phần tăng năng suất, chất lượng vườn cây cao su. Thực hiện tốt công tác quản lý vườn cao su liên kết, kịp thời phối hợp xử lý các công việc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết với các chủ hộ.

1.3. Triển khai các công đoạn chăm sóc và theo dõi giám sát sinh trưởng các loại cây trồng Dự án NNUDCNC tại Nông trường Cư Bao đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật. Ban hành quy trình đánh giá phân loại cho từng nhóm vườn cây ăn trái. Ban hành quy trình trồng các loại cây ăn quả theo hướng VietGap và GlobalGap. Tiếp tục duy trì chứng chỉ VietGap đối với sản phẩm chuối đã được chứng nhận sản phẩm thực hành nông nghiệp tốt; xây dựng phần mềm quản lý quy trình sản xuất.

1.4. Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, xây dựng mô hình tái canh phù hợp cho từng đơn vị kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, chăm sóc tốt vườn cây đúng quy trình của Công ty đã ban hành; Kiểm soát hợp đồng cây giống và khắc phục tình trạng thiếu giống năm 2021. Quản lý, giám sát các đối tác thực hiện hợp đồng trồng xen theo đúng quy định, không để ảnh hưởng đến vườn cây cao su của Công ty.

1.5. Xây dựng phương án quản lý rừng cao su bền vững. Đồng thời, với việc hoàn chỉnh các hồ sơ thủ tục để tổ chức FSC đánh giá cấp chứng chỉ FSC-FM cho 1.000 ha cao su thuộc Nông trường 19/8 và Nông trường Phú Xuân; chứng chỉ FSC-CoC cho Nhà máy Chế biến mủ và lĩnh vực thương mại của Công ty.

2. Một số giải pháp về tài chính:

2.1. Thoái vốn các dự án:

- Thoái vốn tại CN Khách sạn Dakruco và khu làm việc Văn phòng Công ty, ngay sau khi có ý kiến của UBND tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành;

- Thoái vốn DRI: Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để niêm yết chào bán công khai sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán và làm các thủ tục chuyển sở hữu sau khi chào bán thành công.

2.2. Trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn để tái cơ cấu nợ vay, trên cơ sở đó tiếp cận nguồn vốn vay trung dài hạn: Sau khi thoái vốn tại CN Khách sạn Dakruco, khu làm việc Văn phòng Công ty và bán 30,6% vốn điều lệ của DRI thành công sẽ tái cơ cấu lại tình hình tài chính của Công ty, đồng thời sẽ tìm kiếm

các tổ chức tín dụng có thiện chí và có cái nhìn tích cực trong dài hạn về ngành cao su nói chung và Dakruco nói riêng để tài trợ các dự án đã và đang triển khai thực hiện.

2.4. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ về chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả SXKD có lãi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và được HĐQT Công ty giao. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ vốn cho các hoạt động SXKD cũng như hoạt động đầu tư, bảo đảm sự an toàn về thanh khoản. Kiểm soát chi phí, công nợ, hàng tồn kho, các sắc thuế, phí, lệ phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.5. Phối hợp với Dakmoruco hoàn thiện hồ sơ từ ngân hàng tại CPC về đề trả nợ đến hạn cho Ngân hàng ACB vay dự án CPC và cơ cấu nợ Dakruco, từng bước chuyển vốn về Công ty mẹ.

3. Một số giải pháp về kinh doanh bán hàng

3.1. Theo sát thông tin diễn biến giá cả, nhu cầu thị trường, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm cao su, sản phẩm chỉ thun cao su. Thực hiện tốt công tác mua mủ nguyên liệu từ bên ngoài, điều chỉnh giá mủ thu mua linh động và kịp thời, phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo chất lượng mủ, phấn đấu hoàn thành kế hoạch mua mủ cao su nguyên liệu năm 2022.

3.2. Triển khai kế hoạch xúc tiến giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng thị trường để ký hợp đồng xuất bán sản phẩm chuỗi xanh và các loại sản phẩm cây ăn trái thuộc Dự án nông nghiệp ứng dụng CNC.

3.3. Triển khai đầy đủ và tuân thủ quy định về mua sắm vật tư, hàng hóa, tài sản theo pháp luật về đấu thầu và quy định của Công ty.

4. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và quản trị.

4.1. Tăng cường tuyển dụng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng; thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ quản lý để đào tạo cán bộ nguồn.

4.2. Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2022; các chỉ tiêu biểu quyết và các giải pháp thực hiện của Ban Điều hành trình ĐHĐCĐ xem xét cho ý kiến và biểu quyết Ban Điều hành tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2022;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Quản trị Công ty;
- Lưu VT.HC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Ninh

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về công tác kiểm soát 2021
(Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)**

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) Công ty được quy định tại điều 64, 65 điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (viết tắt là DKRUCO).

- Căn cứ quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

- Căn cứ kết quả kiểm tra kiểm soát công ty trong năm 2021.

BKS xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên kết quả giám sát các mặt hoạt động tại CTCP Cao su Đắk Lắk năm 2021 cụ thể như sau :

I/ Tình hình hoạt động của BKS :

BKS Công ty hoạt động chuyên trách tại Công ty gồm 03 thành viên sau :

1/ Ông	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban
2/ Ông	Phan Thanh Tân	Thành viên
3/ Ông	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên

Các hoạt động chủ yếu trong năm :

Với tình hình dịch bệnh COVID - 19 tương đối phức tạp. Công ty phải triển khai nhiều đợt phòng dịch theo tinh thần chỉ đạo của chính phủ trong đó có việc hạn chế tụ tập đông người, hạn chế tiếp xúc, hạn chế đi lại. Thực hiện các biện pháp phòng dịch nghiêm ngặt tại các đơn vị sản xuất tập trung như: Nhà máy Chế biến mủ, nhà máy Chỉ thun, chi nhánh nông trường Cubao (SX Nông nghiệp công nghệ cao). Từ đó BKS cũng bị hạn chế trong việc triển khai các hoạt động kiểm tra giám sát trực tiếp xuống các phòng ban và chi nhánh.

Trước tình hình đó hoạt động của Ban hướng đến kiểm soát giám tiếp thông qua công cụ kế toán, thông qua tài liệu báo cáo của chuyên môn, trực tiếp nắm bắt thông qua hội họp. Ngoài ra cũng triển khai một số đợt kiểm tra thực tế vào những thời điểm dịch tạm ổn song hạn chế tối đa tiếp xúc tránh bị lây nhiễm và lây nhiễm bệnh cho người khác, ảnh hưởng tới hoạt động SXKD.

Các nội dung kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ và quy chế của BKS Công ty được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2021. Cụ thể là giám sát việc tuân thủ chấp hành pháp luật, tuân thủ điều lệ và hệ thống quy chế đơn vị. Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty. Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn sử dụng tài sản công ty, quản trị chi phí, triển khai các hoạt động đầu tư, hoạt động khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Giám sát việc quản lý và sử dụng lao động, việc thực hiện chế độ chính sách người lao động và các nhiệm vụ khác được quy định theo điều lệ. Tham gia chứng kiến và tham vấn, phản hồi về các nội dung kế hoạch sản xuất - Tài chính, phát triển dự án, mua bán tài sản, xử lý thiệt hại ..v.v.

Quá trình kiểm soát có sự phối hợp tốt giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban và lãnh đạo chi nhánh để thực hiện nhiệm vụ được phân công. Các thành viên BKS luôn đoàn kết, công tâm, trách nhiệm, thẳng thắn và nghiêm túc trong công việc và trong giao tiếp. Thực hiện đúng quy định về chế độ bảo mật số liệu, không lạm dụng quyền lực, trung thành với lợi ích của Công ty.

II/ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

1 - Về hoạt động của HĐQT :

Với một năm đầy khó khăn do giá mủ cao su xuống thấp, tình hình dịch bệnh COVID -19 hết sức nghiêm trọng, HĐQT Công ty đã thể hiện được vai trò chỉ đạo bằng các chủ trương nghị quyết từng quý và đột xuất thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT để chỉ đạo kịp thời ổn định sản xuất. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Nội dung và tài liệu họp được chuẩn bị đầy đủ có chất lượng, các thành viên dự họp tích cực tham gia thảo luận có tính xây dựng và trách nhiệm cao, tạo được sự đồng thuận, thống nhất các nội dung đề ra.

Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã đánh giá đúng thực chất, kết quả công tác hoạt động trong năm vừa qua, đặc biệt các chỉ tiêu chính ĐHĐCĐ giao về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động, bảo toàn vốn đều đạt và vượt kế hoạch.

Một số chỉ tiêu chưa đạt được đó là việc thoái vốn để cơ cấu tình hình tài chính, cải thiện cán cân thanh toán. Mặc dù có sự quyết tâm trong chỉ đạo điều hành nhưng do nhiều nguyên nhân về cơ chế chính sách đặc biệt là dịch bệnh làm ngưng trệ kéo dài thời gian phê duyệt chủ trương của UBND Tỉnh và UBCK Nhà nước.

2/ Về hoạt động của Ban điều hành :

Trước tình hình khó khăn về tài chính do chưa thoái vốn được các dự án theo kế hoạch. Bên cạnh đó dịch bệnh Covid - 19 là tâm điểm trong đời sống chính trị và xã hội làm đình trệ hoạt động và tăng chi phí sản xuất kinh doanh, làm khó khăn trong bán hàng, do khó khăn của vận chuyển quốc tế và suy giảm nhu cầu hàng hóa. Tuy nhiên ban điều hành luôn đoàn kết, vượt lên khó khăn, nắm bắt và xử lý tốt tình huống, bám sát nghị quyết và sự chỉ đạo của HĐQT, chỉ đạo xây dựng các kịch bản

đảm bảo sản xuất không bị ngừng trệ. Thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra trong năm.

Bộ máy Ban điều hành luôn duy trì sự hoạt động thông suốt và hiệu quả từ Công ty xuống tận các đơn vị chi nhánh. Chủ động thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, phân quyền từ các phòng đến giám đốc các chi nhánh.

Duy trì chế độ họp giao ban hàng tháng, hàng quý để nắm bắt, đánh giá, xử lý các công việc tồn đọng, triển khai nhiệm vụ tháng mới cho các phòng ban bộ phận và chi nhánh. Những nội dung phát sinh trong quá trình chỉ đạo sản xuất vượt quá thẩm quyền, đều xin ý kiến HĐQT bằng văn bản để xử lý.

Về các số liệu báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông của Ban điều hành được tổng hợp từ tất cả các mặt sản xuất quản lý điều hành của Công ty. Qua đó đánh giá hết các điểm nổi bật đã làm được trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐQT và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Để đạt được các kết quả nêu trên, chúng tôi đánh giá cao tinh thần đoàn kết và quyết tâm của Ban điều hành và các thành viên trong bộ máy quản lý đã tận dụng tốt cơ hội vượt qua khó khăn về tài chính, dịch bệnh, thời tiết, thị trường và cơ chế, để hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản về: Sản lượng, Doanh thu, Lợi nhuận, nghĩa vụ nhà nước, công ăn việc làm và thu nhập người lao động.

Các hạn chế trong công tác điều hành đó là việc chưa thực hiện được cơ cấu tài chính - Một nhiệm vụ đặt ra trong nhiều năm liền. Mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức nỗ lực nhưng do các rào cản về cơ chế, về dịch bệnh nên quá trình thoái vốn chưa thành công. Một số tồn tại liên quan đến công tác quản lý đất đai theo kết luận 7337/KL-UBND của UBND Tỉnh xuất phát từ nhiều năm trước đây đang dần được khắc phục.

Nhìn chung năm 2021, Bộ máy quản lý công ty hoạt động ổn định, thống nhất, phân công phân nhiệm rõ ràng phát huy sức mạnh tập thể trong đơn vị. Cán bộ lãnh đạo và trưởng phó phòng ban chuyên môn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, tuân thủ sự lãnh đạo của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt và có hiệu quả.

3/ Về kiểm soát các hợp đồng giao dịch nội bộ và người có liên quan :

Trong năm 2021 không phát sinh các giao dịch của người có liên quan đến người quản lý công ty với Công ty về mua - bán hàng hóa dịch vụ. Các giao dịch với công ty liên kết (Dakrutech) có phát sinh về mua bán mũ nhưng tuân thủ theo nguyên tắc thị trường đảm bảo tuân thủ đúng điều lệ và pháp luật. Công ty có vay ngắn hạn 30 tỷ đồng của CTCP DRI (Công ty con) để giải quyết khó khăn tài chính thời điểm cuối năm trên cơ sở lãi vay theo ngân hàng thương mại và sẽ hoàn trả khi thoái vốn cổ phiếu DRI. Bên cạnh đó Công ty cũng có vay CB CNV để cân đối tài chính trung hạn số tiền 34,64 tỷ đồng, Lãi vay hai bên thỏa thuận tương đương lãi tiền gửi ngân hàng thương mại. Đây là các hoạt động bình thường trong kinh doanh , phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ, với giá trị không lớn so với tổng tài sản của Công ty. Các khoản vay này dự kiến khi thoái vốn DRI sẽ tất toán hết.

4/ Về tài chính Công ty :

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét và phát hành. Trong đó số liệu tổng hợp về vốn và tài sản tại ngày 31/12/2021 như sau : (đơn vị tính việt nam đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
I. Tổng tài sản	2.362.895.355.833	2.303.553.556.517
1. Tài sản ngắn hạn	227.554.570.044	179.766.863.565
2. Tài sản dài hạn	2.135.340.785.790	2.123.786.692.952
II. Tổng nguồn vốn	2.362.895.355.833	2.303.553.556.517
1. Nợ phải trả	723.786.394.499	707.344.817.581
1.1. Nợ ngắn hạn	505.788.989.530	486.581.742.789
1.2. Nợ dài hạn	217.997.404.969	220.763.074.792
2. Vốn chủ sở hữu	1.639.108.961.334	1.596.208.738.936
2.1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
2.2. Quỹ đầu tư phát triển	15.024.783.404	7.017.983.404
2.3. LNST chưa phân phối	66.084.177.930	31.190.755.532

Tình hình tài chính Công ty không có nhiều biến động lớn, Tỷ lệ tài sản dài hạn chiếm phần lớn trên tổng tài sản doanh nghiệp dẫn đến tình trạng mất cân đối vốn, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, nhưng cơ bản trong năm việc điều hành không để xảy ra tình trạng mất thanh khoản. Cụ thể :

Chỉ tiêu	ĐVT	Đầu năm	Cuối năm
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	7.8%	9.6%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	92.2%	90.4%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30.7%	30.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69.3%	69.4%
2. Khả năng thanh toán nợ đến hạn			
2.1. Khả năng thanh toán nhanh		0.18	0.20
2.2. Khả năng thanh hiện thời		0.37	0.45

Vấn đề mất cân đối tài chính và khó khăn trong thanh toán về cơ bản đang được Ban điều hành nỗ lực xử lý song việc thoái vốn có nhiều vướng mắc về cơ chế nên chưa thực hiện được.

Tuy nhiên trong tình hình hết sức khó khăn Công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh có lãi dù không lớn vì vườn cao su hết chu kỳ kinh doanh, số diện tích mới đang khai thác chiếm chưa đến 1/3 diện tích công ty. Các chỉ tiêu về SXKD năm 2021 cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1. Tổng doanh thu	760.403.178.398	497.654.754.059
2. Tổng chi phí	698.912.319.601	468.095.255.985
3. Lợi nhuận trước thuế	61.490.858.797	29.559.498.074
4. Thuế TND	8.163.586.399	2.869.992.208
5. Lợi nhuận sau thuế	53.327.272.398	26.689.505.866

Về các chỉ tiêu tính hiệu quả, do lợi nhuận quá nhỏ so với vốn chủ sở hữu nên các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ, trên tổng tài rất nhỏ, lợi nhuận trên cổ phần cũng không đáng kể.

Trước thềm Đại hội đồng cổ đông thường niên, giá cao su trên thị trường quốc tế đã tăng trở lại giao động quanh mốc trên 250 yên nhật tương đương 50 trđ/tấn. Cổ phiếu CTCP DRG đã có 2 lần vượt mốc 20.000đ/ cổ phiếu. Thời gian cuối tháng 4 thị trường có nhiều bất ổn nên giá các cổ phiếu đều giảm 20-30% so với đỉnh trong đó có cổ phiếu DRG. Với tình hình giá cao su đang rất khả quan nhờ giá dầu tăng cao và kinh tế phục hồi sau đại dịch, DRG sẽ tiến hành thoái vốn tại CTCP DRI, tình hình tài chính sẽ được cải thiện, các Ngân hàng sẽ tài trợ cho dự án trồng tái canh cao su và các dự án Nông nghiệp Công nghệ cao, CTCP DRG sẽ ngày càng vững mạnh và kinh doanh có hiệu quả.

III/ CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH NĂM 2022 :

Tại ĐHĐCĐ thường niên lần này BKS đã xin ý kiến HĐQT đề trình ĐHĐCĐ về một số thay đổi về nhân sự và nhiệm vụ, phù hợp với tình hình mới. Đó là :

- Thay đổi nhân sự: Cơ cấu nhân sự có chuyên ngành Nông nghiệp để phù hợp với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của DRG là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp và công nghệ cao. Một số thành viên có thể hoạt động kiêm nhiệm tại văn phòng công ty nhưng đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Bổ sung một số nội dung của Quy chế Ban Kiểm soát theo hướng tăng cường kiểm soát rủi ro trong quản lý, điều hành, nhất là trên lĩnh vực quản lý quy trình kỹ thuật nông nghiệp; quản lý đất đai; quản lý chất lượng...

Qua đó BKS sẽ bám sát nhiệm vụ theo Quy chế thực hiện giám sát các mặt hoạt động của Công ty với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Tích cực nghiên cứu học hỏi để có chứng kiến của mình, tham gia ý kiến trong hội họp với HĐQT, với Ban

điều hành. Trung thực thẳng thắn trong công việc để có những ý kiến trung thực về công tác quản lý điều hành, quản lý tài sản, giúp Công ty tránh xung đột lợi ích và những rủi ro pháp lý với các cơ quan chức năng bên ngoài.

Sẵn sàng trao đổi chia sẻ với HĐQT và Ban điều hành những vấn đề phát hiện trong kiểm tra, kiểm soát để phối hợp thống nhất xử lý.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát trong năm 2021 và chương trình kế hoạch năm 2022, BKS kính trình xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên. Thay mặt BKS xin chân thành cảm ơn .

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban
(Đã ký)

Nguyễn Thạc Hoàn

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng Quản trị Công ty Cao su Đắk Lắk xin báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán với các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2021 gồm:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website Công ty: [http:// www.dakruco.com](http://www.dakruco.com), bao gồm:

- 1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- 1.2. báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- 1.3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- 1.4. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021;
- 1.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
- 1.6. Thuyết minh báo cáo tài chính;

Trong đó một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 và kết quả kinh doanh năm 2021 như sau:

a) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021

Dvt: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
I. Tổng tài sản	2.362.895.355.833	2.303.553.556.517
1. Tài sản ngắn hạn	227.554.570.044	179.766.863.565
2. Tài sản dài hạn	2.135.340.785.790	2.123.786.692.952
II. Tổng nguồn vốn	2.362.895.355.833	2.303.553.556.517
1. Nợ phải trả	723.786.394.499	707.344.817.581
1.1. Nợ ngắn hạn	505.788.989.530	486.581.742.789
1.2. Nợ dài hạn	217.997.404.969	220.763.074.792
2. Vốn chủ sở hữu	1.639.108.961.335	1.596.208.738.936
2.1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
2.2. Quỹ đầu tư phát triển	15.024.783.404	7.017.983.404
2.3. LNST chưa phân phối	66.084.177.931	31.190.755.532

b) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020
1. Tổng doanh thu	760.403.178.398	497.654.754.059
2. Tổng chi phí	698.912.319.601	468.095.255.985
3. Lợi nhuận trước thuế	61.490.858.797	29.559.498.074
4. Thuế TNDN	8.163.586.399	2.869.992.208
5. Lợi nhuận sau thuế	53.327.272.398	26.689.505.866

2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập

2.1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Vấn đề khác

Kiểm toán viên lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán độc lập rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như Kết quả kinh doanh (riêng) và Lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc Hợp nhất Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các Công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Trên đây là nội dung cơ bản báo cáo kết quả tình hình tài chính của Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán. Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc thông qua.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban KS;
- Phòng TCKT;
- Người QTCT
- Phòng HC (đăng tải trên Website);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ sửa đổi, bổ sung ngày 29/4/2021 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk;

- Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 29/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 như sau :

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 :

1.1. Chỉ tiêu số lượng:

- Diện tích cao su: 8.071,46 ha, trong đó : Diện tích cao su khai thác: 2.767,99 ha (bao gồm: mở mới: 625,51 ha và 254,79 ha cao su cạo thanh lý); Diện tích cao su trồng mới: 131,81 ha; cao su KTCB: 4.475,88 ha.

- Diện tích cây ăn trái : Tổng diện tích chuối: 147,49 ha, (Chuối trồng xen trong vườn sầu riêng và mít (100,05 ha): 22,74 ha trồng thuần chuối; Chuối trồng xen trong vườn sầu riêng năm 2021: 24,70 ha). Diện tích sầu riêng trồng xen chuối: 74,7 ha. Diện tích mít trồng xen chuối: 50,05 ha; diện tích dứa : 10,22ha (trong đó : 02ha trồng năm 2020, 05ha trồng năm 2021 và 3,22ha trồng trong năm 2022.

- Sản lượng sản phẩm các loại: 16.464,12 tấn (1) trong đó : Sản lượng mủ cao su: 6.164,12 tấn (bao gồm khai thác tại vườn cây 3.555,12 tấn; mua ngoài 2.000 tấn và thu nợ đầu tư của các chủ hộ cao su liên kết 429 tấn, tồn kho 180 tấn); (2) Sản lượng sợi chỉ thun cao su các loại: 2.900 tấn; (3) Sản lượng chuối tươi 6.600 tấn, sản lượng mít quả: 700 tấn, sản lượng dứa MD₂: 100 tấn.

- Sản lượng sản phẩm tiêu thụ: 16.400 tấn, trong đó: (1) Mủ cao su: 6.100 tấn (xuất khẩu: 2.475 tấn; bán nội địa 3.355 tấn); (2) Chỉ thun các loại: 2.900 tấn (xuất khẩu: 1.305 tấn; nội địa: 1.595 tấn); (3) sản lượng chuối tươi: 6.600 tấn (trong đó xuất khẩu: 665,6 tấn, bán nội địa: 5.934,4 tấn); Sản lượng mít quả bán nội địa: 700 tấn; sản lượng dứa MD₂ bán nội địa: 100 tấn.

1.2. Chỉ tiêu về giá trị:

- Giá bán bình quân : Mủ cao su thành phẩm : 36.448.000 đồng/tấn sản phẩm; giá bán sợi chỉ thun các loại: 67.164.000 đồng/tấn; giá bán Chuối; 9.218.000 đồng/tấn; mít tươi : 6.000.000 đồng/tấn; dứa MD₂: 5.000.000 đồng/tấn.

- Tổng doanh thu: 700.000 triệu đồng, trong đó: (1) bán mủ cao su: 222.332; doanh thu từ hợp đồng trồng xen: 42.768 triệu đồng (2) bán chỉ thun: 194.774 triệu

đồng; doanh thu từ sản phẩm trái cây: 65.540 triệu đồng; hoạt động tài chính khác: 99.973 triệu đồng; thu nhập khác: 74.611 triệu đồng

- Tổng chi phí: 614.269 triệu đồng.

2. Chỉ tiêu về đầu tư :

Tổng vốn đầu tư năm 2022: 223.501 triệu đồng , trong đó:

- Đầu tư vườn cao su trồng mới và KTCB: 131.123 triệu đồng tương ứng với diện tích : 4.607,69 ha

- Đầu tư Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 24.225 triệu đồng,

- Đầu tư khác : 63.212 triệu đồng; chủ yếu là sửa chữa đường lô nội đồng; sửa chữa phương tiện vận tải; bảo dưỡng máy móc, thiết bị dây chuyền chế biến mủ; đầu tư hệ thống xử lý nước thải và hệ thống quan trắc tự động tại Nhà máy Chế biến mủ và xử lý nước thải tại Nhà Máy chế biến Chỉ thun.

Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch.

3. Lợi nhuận trước thuế : 85.731 triệu đồng;

4. Lợi nhuận sau thuế : 71.487 triệu đồng.

5. Giao cho HĐQT phê duyệt Phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 theo các chỉ tiêu chủ yếu nói trên, để Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Kính trình !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCD;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

- Căn cứ danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 – Đợt 1 (33 Công ty kiểm toán).

- Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 29/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị Dakruco trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Dakruco cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính, theo các quy định của các Chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực báo cáo Tài chính quốc tế (IFRS);

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Dakruco; Có mức phí dịch vụ phù hợp và cạnh tranh.

2. Đề xuất danh mục các Công ty kiểm toán

Danh mục các Công ty/đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của

Công ty như sau gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues).

3. Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội cổ đông

HĐQT xin ý kiến Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, dựa trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty để lựa chọn một (01) trong ba (03) Công ty kiểm toán tại mục 2 của Tờ trình này và thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua nội dung trên./.

Kính trình!

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2021;

- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng;

- Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 03/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh - Xã hội); Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Hội đồng quản trị xin ý kiến ĐHĐCĐ về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau :

a/ Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31/12/2021: 66.084.177.930 đồng.
Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang : 12.756.905.532 đồng

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 : 53.327.272.398 đồng;

b/ Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2021: 30.607.197.810 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%) số tiền. : 15.998.182.000 đồng;

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền : 14.158.830.000 đồng;

- Thưởng cho người quản lý Công ty : 450.185.810 đồng;

c/ Lợi nhuận còn lại, tạm thời chưa chia, chờ ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk: 35.476.980.120 đồng, trong đó có 12.756.905.532 đồng của các năm trước chuyển sang.

Việc chia cổ tức nói trên, đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện, sau khi có ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk và báo cáo lại tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kính trình quý cổ đông xem xét, thông qua !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.



Nguyễn Viết Tường

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022
của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 29/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 29/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021; kế hoạch sản xuất năm 2022 của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ về kế hoạch tiền lương năm 2022 như sau:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao của Người lao động và Người quản lý Công ty năm 2022 của Dakruco: 212.669,096 triệu đồng; Trong đó:

a/ Quỹ tiền lương của người lao động : 208.796 triệu đồng, trong đó:

- Quỹ tiền lương khối kinh doanh cao su : 182.317 triệu đồng.
- Quỹ tiền lương trồng mới, chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản: 25.234 triệu đồng.
- Quỹ tiền lương của khối chăm sóc vườn cây ăn trái tại vùng ứng dụng công nghệ cao: 1.245 triệu đồng;

b/ Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022: 3.873,096 triệu đồng, trong đó:

- Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách: 3.602,88 triệu đồng
- Quỹ thù lao của Người quản lý không chuyên trách: 270,216 triệu đồng.

c/ Kế hoạch về chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2022: 200 triệu đồng.

Kính trình !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tượng
Nguyễn Việt Tượng

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi : Quý cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Căn cứ điều 5, Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT, ngày 23/7/2021; Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT, ngày 29/4/2022 của HĐQT Dakruco;

Đề đưa nội dung tỷ lệ sở hữu vốn tối đa của nhà đầu tư nước vào Điều lệ Công ty, HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk trình ĐHĐCĐ bổ sung vào Điều lệ Công ty nội dung cụ thể như sau :

1- Bổ sung thêm điểm 1.2, khoản 1 điều 7 : Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 2% vốn điều lệ.

Lý do: Để phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và yêu cầu của UBCK Nhà nước.

2- Sửa đổi khoản 1, điều 39:

Sửa nội dung: “Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.” thành: “Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không giới hạn.”

Lý do: Để phù hợp với khoản 1 điều 168 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua nội dung trên.

Kính trình !

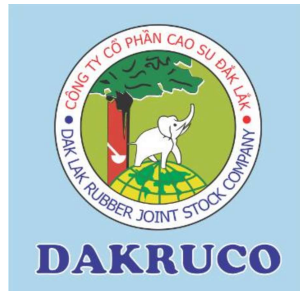
Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Tượng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Buôn Ma Thuột, tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	11
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 13. Quyền của cổ đông	13
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thay đổi các quyền	19
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 23. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 25.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 26.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
1.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) đến chín (09) người.	27
Điều 28.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 29.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 32.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 33.	Người phụ trách quản trị công ty	33
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 34.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 35.	Người điều hành Doanh nghiệp	34
Điều 36.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	34
Điều 37.	Thư ký Công ty	35
IX.	BAN KIỂM SOÁT.....	36
Điều 38.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	36
Điều 39.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	36
Điều 40.	Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 41.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 42.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 43.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		
38		
Điều 44.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 45.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 46.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	40
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	40
Điều 47.	Công nhân viên và các đoàn thể	40
XIII.	QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC.....	40
Điều 48.	Mối quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.	40
Điều 49.	Mối quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối.....	41

Điều 50.	Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ	43
Điều 51.	Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết	44
Điều 52.	Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc	44
Điều 53.	Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	44
XIV.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 54.	Phân phối lợi nhuận	45
XV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	46
Điều 55.	Tài khoản ngân hàng	46
Điều 56.	Năm tài chính	46
Điều 57.	Chế độ kế toán	46
XVI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	46
Điều 58.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	46
Điều 59.	Báo cáo thường niên	46
XVII.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	47
Điều 60.	Kiểm toán	47
XVIII.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	47
Điều 61.	Dấu của doanh nghiệp	47
XVIII.	GIẢI THỂ CÔNG TY	47
Điều 62.	Giải thể công ty	47
Điều 63.	Gia hạn hoạt động	47
Điều 64.	Thanh lý Công ty	48
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	48
Điều 65.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	48
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	49
Điều 66.	Điều lệ công ty	49
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC	49
Điều 67.	Ngày hiệu lực	49

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 27 tháng 6 năm 2022

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

ô. *Công ty* là gọi tắt Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk;

ơ. *Đơn vị phụ thuộc* là các Chi nhánh (Nông trường, Nhà máy, Trung tâm ...) hạch toán báo sổ, thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhiệm vụ Công ty giao hoặc ủy quyền;

p. *Công ty con* là các Công ty hạch toán độc lập do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối.

q. *Công ty liên kết* là các công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty dưới mức chi phối;

r) *Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty* là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

s) *Quyền chi phối* là quyền của Công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây: Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp; Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp; Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

t) *Người đại diện phần vốn của Công ty* là cá nhân được Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK LAK RUBBER JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DAKRUCO

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại: (0262) 3865015

- Fax: (0262) 3865041

- E-mail: caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com

- Website: www.dakruco.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện nay, Công ty có 09 đơn vị trực thuộc và 01 Công ty con 100% vốn của Dakruco, bao gồm:

a) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường 19/8, địa chỉ: Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea B'hók - Huyện Cư Kuin - Đắk Lắk;

b) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cuôr Đăng, địa chỉ: Buôn Ta'h -Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

c) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Bao, địa chỉ: Thôn 8 - Xã Cư Bao – Thị xã Buôn Hồ - Đắk Lắk;

d) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Kpô, địa chỉ: Thôn Thống Nhất - Xã Cư Kpô – Huyện Krông Púk - Đắk Lắk;

e) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Cư Mgar, địa chỉ: Km20 Tỉnh lộ 8 – xã Ea Kpam – Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

f) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk - Nông trường Phú Xuân, địa chỉ: Km20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

g) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy chế biến mủ Cao su, địa chỉ: Thôn Đoàn kết - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Đắk Lắk;

h) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Nhà máy chế biến Chỉ thun, địa chỉ: Lô B35-B36 Khu Công Nghiệp Hòa Phú - Xã Hoà Phú - Thành phố Buôn Ma Thuật - Đắk Lắk;

i) Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk – Khách sạn Dakruco, địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Buôn Ma Thuật - Đắk Lắk;

j) Công ty phát triển cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (DakMoruco), địa chỉ: Xã Monorum - Huyện Senmonorum - Tỉnh Mondulkiri – Campuchia.

5. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 62 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì HĐQT sẽ cử người khác thay thế.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Ngoài việc chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật, thì người đại diện theo pháp luật có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 Điều 30 của Điều lệ này;
2. Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo Khoản 4, Điều 36 của Điều lệ này.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: Trồng, khai thác, chế biến, mua bán mủ cao su và các sản phẩm từ mủ cao su; trồng, thu hoạch, chế biến, mua bán các sản phẩm của cây ăn quả; cây nông nghiệp ngắn ngày và các ngành nghề khác nêu tại Điều 5 của Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Công ty được thành lập để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty trên cơ sở tự tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b) Thông qua hoạt động, Công ty góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty.

c) Kết hợp giữa phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển với nhiệm vụ giữ vững an ninh, chính trị, quốc phòng, hỗ trợ an sinh xã hội;

d) Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác, kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn, tạo lợi nhuận cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
4	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
5	Trồng cây hàng năm khác	0119
6	Trồng cây ăn quả	0121
7	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
8	Trồng cây điều	0123
9	Trồng cây hồ tiêu	0124
10	Trồng cây cao su	0125

11	Trồng cây cà phê	0126
12	Trồng cây chè	0127
13	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
14	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
16	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
17	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
18	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
26	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
33	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35	Sửa chữa thiết bị điện	3314
36	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
37	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
41	Bán buôn thực phẩm	4632
42	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

43	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
44	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
45	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
46	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
47	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51	Bốc xếp hàng hóa	5224
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
59	Đại lý du lịch	7911
60	Điều hành tua du lịch	7912
61	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
64	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
65	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.558.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm năm mươi tám tỷ đồng)

1.1 Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 155.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông Nhà nước giữ tỷ lệ cổ phần trên 75%.

1.2 Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 2% vốn điều lệ

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông: Cổ đông Công ty là cổ đông phổ thông, không có cổ đông sáng lập (Vì là Công ty được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Cao su Đăk Lăk).

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đối với cổ phần mà tổ chức Công đoàn Công ty và người lao động của Công ty được mua ưu đãi khi Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk cổ phần hoá, chỉ được chuyển nhượng sau ba năm kể từ ngày thành lập Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Bộ máy giúp việc gồm các Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và các bộ phận.

3. Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, kiểm soát và bộ máy giúp việc của Công ty có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan, cũng như Khoản 1, Điều 10 của Điều lệ này;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

m. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

n. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

o. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người

có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a/ Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b/ Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c/ Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d/ Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; biểu quyết điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông có thể họp trực tuyến, khi xảy ra tình trạng bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh;
 - e. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Quyết định để Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là các nhân chỉ được ủy quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới mười (10)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác, từ mười (10)% đến dưới năm mươi (50) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (3) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp; tổ chức nắm giữ từ năm mươi (50)% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa năm (5) cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy

quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày, trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c. Định hướng phát triển công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h. Tổ chức lại, giải thể công ty;

i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi lăm (65)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi lăm (65)% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) đến chín (09) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

b) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con do Dakruco nắm giữ 100% vốn điều lệ.

j. Thông qua đề Tổng Giám đốc quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng phó các phòng ban Công ty; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc Công ty;

k. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có);

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty..;

s. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

t. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục

riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

16. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần), có các nội dung chính quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp của Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký cuộc họp; chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc nhóm các cổ đông.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này..

VII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; điều hành kế hoạch kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản

trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

VIII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 26 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến hai mươi phần trăm (20%) thì được đề cử một (01) thành viên; từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến bốn mươi phần trăm (40%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; từ trên bốn mươi phần trăm (40%) đến sáu mươi phần trăm (60%) thì được đề cử ba (03) thành viên; từ trên sáu mươi phần trăm (60%) đến tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử bốn (04) thành viên; và nếu lớn hơn tám mươi phần trăm (80%) thì được đề cử năm (05) thành viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm **và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không giới hạn**

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định theo pháp luật hiện hành.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được

lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và các đoàn thể

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 48. Môi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

1. Các Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó.

luật, Điều lệ của Công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty. 3. Công ty là chủ sở hữu của các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty này. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Công ty con;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

4. Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty con;

d) Quyết định cử người đại diện vốn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con;

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm và hàng năm của Công ty con;

f) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản và thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu của Công ty con;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty theo Điều lệ Công ty con;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con không trái với Điều lệ này.

5. Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo quy định của Pháp

Điều 49. Mọi quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp chi phối tại các Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với

phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các Công ty con này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện vốn của Công ty.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con;

b) Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty con theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sau khi Hội đồng quản trị Công ty có ý kiến thỏa thuận:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (5) năm, hàng năm của doanh nghiệp;

f) Chủ trương góp vốn, tỷ lệ nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác;

g) Chủ trương Quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản hoặc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

h) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

i) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

j) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp;

k) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành Pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

5. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà các Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

6. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty với Công ty con, được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Điều 50. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty liên kết là các Công ty do Công ty nắm giữ không quá năm mươi (50)% vốn điều lệ, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình Công ty đó.

2. Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp nêu ở Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định các báo cáo, đề xuất của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị cho ý kiến thỏa thuận, trên cơ sở đó người đại diện vốn tại doanh nghiệp thực hiện các quyền của cổ đông hoặc quyền của thành viên Hội đồng quản trị... phù hợp với quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết được quy định tại Quy chế này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp;

b) Chỉ định Người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện theo ủy quyền, quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo ủy quyền; đánh giá đối với Người đại diện theo ủy quyền;

c) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Điểm d Khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; thế chấp, cầm cố tài sản hoặc phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp.

e) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Công ty tại doanh nghiệp theo Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: Định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su/cây trồng khác; liên kết đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 52. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc

1. Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua các quy chế về tổ chức, hoạt động được Tổng Giám đốc Công ty ban hành bằng văn bản phổ biến tới từng đơn vị phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán tập trung. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Được Hội đồng quản trị Công ty giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn của Công ty thực hiện theo Quy chế hoạt động Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

c) Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động, sẽ được Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 61. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 62. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 64. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 67 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Điều lệ này thay thế các Điều lệ ngày 02/10/2018, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua vào ngày 29/9/2018 và Điều lệ sửa đổi, được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 02/6/2020; được sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 29/4/2021 và Đại hội đồng cổ đông cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

Buôn Ma Thuột, ngày 27 tháng 6 năm 2022

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Viết Tượng

Buôn Ma Thuột, ngày 09 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH

“V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk”

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua;
- Căn Cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT, ngày 29/4/2022 của HĐQT Công ty;
HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát như sau:

1/ Lý do thay đổi :

- Quy chế BKS ban hành năm 2019 dựa trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Đến nay, Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; năm 2021 Quy chế cũng đã được sửa đổi, nhưng có một số nội dung chưa được sửa đổi cho phù hợp.
- Theo yêu cầu: Tăng cường quản lý rủi ro trong hoạt động quản trị, quản lý điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; phù hợp với tổ chức bộ máy của Công ty.

2/ Một số nội dung thay đổi xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2022:

2.1/ Sửa đổi điều 3 về cơ cấu và nhiệm kỳ hoạt động :

- Khoản 3.1: Thay cụm từ “ Hoạt động chuyên trách tại công ty” Thành **“Hoạt động chuyên trách, bán chuyên trách hoặc kiêm nhiệm”**.

2.2/ Sửa đổi điều 4 về tiêu chuẩn thành viên BKS:

- Thay đoạn : “có kinh nghiệm chuyên môn, do Dakruco hiện nhà nước nắm giữ trên 50% vốn nên kiểm soát viên được đề cử và bổ nhiệm phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;” thành : **“được đào tạo một trong các chuyên ngành về**

kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp”.

2.3/ Bổ sung thêm khoản d điều 5 “đối tượng giám sát” như sau : (d) Các quy trình kỹ thuật nông nghiệp (bao gồm các công đoạn trồng, chăm sóc, phòng chống bệnh, khai thác/thu hoạch và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch...); quy trình quản lý đất đai, tài sản...; quy trình quản lý chất lượng về mùn cao su, sản phẩm trái cây; các dữ liệu, số liệu có liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4/ Chương 3 nhiệm vụ và quyền hạn của BKS thay đoạn: “Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định tại điều 165 điều 166 luật doanh nghiệp năm 2014 và điều 63 điều lệ Công ty. Chủ yếu là những nhiệm vụ và quyền hạn theo các điều 7,8,9 sau đây” thành : ***“Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định tại điều 170 điều 171 luật doanh nghiệp năm 2020 và điều 64, 65 điều lệ Công ty. Chủ yếu là những nhiệm vụ và quyền hạn theo các điều 7,8,9 sau đây:”***

2.5/ Thay đổi và bổ sung khoản 7.2, điều 7 : “quy trình nghiệp vụ theo ISO 9001- 2015 liên quan đến kế toán, nhân sự, văn phòng.” Thành : ***“quy trình nghiệp vụ theo ISO 9001- 2015 liên quan đến công tác kế toán, nhân sự, văn phòng, kỹ thuật, quản lý chất lượng”***

2.6/ Thay đổi viện dẫn luật doanh nghiệp tại khoản 10.1 điều 10 : Thay cụm từ : ...“được quy định tại điều 166 luật doanh nghiệp năm 2014.” Thành .. ***“được quy định tại điều 171 luật doanh nghiệp năm 2020.”***

2.7/ Điều 11 điều chỉnh lại tên các đoạn a,b,c ... do mục b bị trùng 2 lần

2.8/ Điều 17 sửa đổi bổ sung : Thay đổi viện dẫn luật doanh nghiệp tại đoạn 2 cụm từ : “theo luật doanh nghiệp năm 2014 và điều lệ Công ty.” thành : ***“theo luật doanh nghiệp năm 2020 và điều lệ Công ty.”***

Trên đây là nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động BKS của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, xem xét phê duyệt.

Kính trình !

Nơi nhận

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



Nguyễn Viết Tượng

CÔNG TY CP CAO SU ĐẮK LẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(DAKRUCO)

Số: /QĐ-BKS

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- 0 0 0 -----

Buôn Ma Thuột, ngày..... tháng. .năm 2022

“Dự thảo”

QUYẾT ĐỊNH

**“V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk”**

**BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số : 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01 tháng 10 năm 2018;
- Căn cứ Điều lệ CTCP Cao su Đắk Lắk Sửa đổi ban hành ngày /06/2022 và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số.../NQ-ĐHĐCĐ, ngày 27/6/2022 của ĐHĐCĐ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk”.

Điều 2 : Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022, thay thế cho Quy chế đã ban hành trước đây.

Điều 3 : Quy chế này được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát, HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban Công ty CP DAKRUCO, Công ty con 100 % vốn điều lệ của Dakruco và các chi nhánh trực thuộc để biết, phối hợp và thực hiện.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
Trưởng ban

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT

Nguyễn Thạc Hoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK
(DAKRUCO)**

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - Thành phố
Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

Buôn Ma Thuột tháng 06 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Mục đích phạm vi điều chỉnh Trang 1

ĐIỀU 2 : Các thuật ngữ được sử dụng : Trang 1

CHƯƠNG II : TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

ĐIỀU 3: Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động Trang 1

ĐIỀU 4: Tiêu chuẩn, bài nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS: Trang 2

ĐIỀU 5: Trách nhiệm pháp lý của BKS . Trang 2

ĐIỀU 6: Nguyên tắc hoạt động của BKS . Trang 3

CHƯƠNG III : NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BKS

ĐIỀU 7: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh. Trang 3

ĐIỀU 8: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán Trang 4

ĐIỀU 9: Kiểm soát báo cáo tài chính Trang 4

ĐIỀU 10: Quyền hạn của BKS Trang 5

CHƯƠNG IV : HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 11: Trưởng BKS . Trang 5

ĐIỀU 12: Thành viên BKS . Trang 6

ĐIỀU 13: Chương trình kiểm soát Trang 7

CHƯƠNG V : MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 14: Quan hệ phối hợp của BKS trong Công ty Trang 8

ĐIỀU 15: Quan hệ của BKS với cổ đông Công ty Trang 9

CHƯƠNG VI : TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 16: Hiệu lực thi hành: Trang 10

ĐIỀU 17: Bổ sung, sửa đổi Trang 10

-----//\//-----

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BKS,
Ngày .. tháng 02 năm 2019 của BKS Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1 : Mục đích phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm chế độ làm việc, mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị chi nhánh, bộ phận và phòng ban trong Công ty. Nhằm thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo quy định của điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

1.2 Mọi hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk đều phải tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, bản quy chế này và các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2 : Các thuật ngữ được sử dụng :

Các thuật ngữ dùng chung đã được định nghĩa tại Điều 1, Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk, được sử dụng trong quy chế này có nội dung ý nghĩa như nhau.

Ngoài ra để thuận tiện, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau :

- “ĐHĐCĐ” : Đại hội đồng cổ đông
- “HĐQT” : Hội đồng quản trị
- “BKS” : Ban kiểm soát
- “DAKRUCO” : Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 3 : Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

3.1. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên, do đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Cơ cấu tổ chức bao gồm 01 trưởng ban chịu trách nhiệm chung và 02 thành viên, không cơ cấu phó ban, **hoạt động chuyên trách, bán chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.**

3.2. Nhiệm kỳ của BKS là 05 (năm) năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong một nhiệm kỳ các thành viên BKS có thể xin rút khỏi BKS vì lý do cá nhân hoặc bị miễn nhiệm do vi phạm quy chế. BKS phải đề nghị lên HĐQT để tiến hành bầu bổ sung trong kỳ ĐHĐCĐ gần nhất khi số thành viên giảm xuống còn 2/3 theo quy định. Thành viên BKS được bầu bổ sung có thời gian thực hiện nhiệm vụ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó.

ĐIỀU 4: Tiêu chuẩn, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS :

Tiêu chuẩn làm thành viên BKS, quy trình bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS được quy định tại điều : điều 169 Luật doanh nghiệp năm 2020 và điều 39 điều lệ Công ty. Cụ thể về tiêu chuẩn là cá nhân có năng lực và hành vi dân sự, được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Kiểm soát viên là người “không liên quan” với thành viên HĐQT và người “quản lý” trong công ty theo quy định, đồng thời là người không tham gia quản lý Công ty. Được các cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn tín nhiệm đề cử ra ĐHĐCĐ bầu chọn. Việc miễn nhiệm bãi nhiệm phải do ĐHĐCĐ quyết định khi cá nhân có đơn xin rút hoặc theo đề nghị của trưởng BKS khi thành viên do vi phạm kỷ luật, liên tục không hoàn thành nhiệm vụ.

ĐIỀU 5: Trách nhiệm pháp lý của BKS .

5.1. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông. Đồng thời phát hiện rủi ro tiềm tàng của Công ty giúp cho HĐQT và Bộ máy quản lý ngăn ngừa, giảm thiểu những thiệt hại có thể xảy ra. Đấu tranh và ngăn chặn kịp thời những hành vi mang tính lợi ích cá nhân, làm thất thoát tài sản hoặc gây hậu quả cho doanh nghiệp.

5.2. Đối tượng chịu sự giám sát của BKS là :

- a) Các hoạt động của HĐQT trong quản lý Công ty;
- b) Các hoạt động điều hành Công ty của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành; Các hoạt động của bộ máy quản lý tại Công ty con và chi nhánh.
- c) Số liệu, chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính; định mức dự toán đầu tư, hồ sơ xây dựng cơ bản; Hợp đồng kinh tế và chủ trương liên quan; Hồ sơ nhân sự - Pháp chế, văn bản liên quan đến chế độ chính sách người lao động; Các văn bản liên quan đến bổ sung điều chỉnh kế hoạch Sản xuất - Tài chính được Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc phê duyệt thực hiện tại Công

ty, Công ty con và chi nhánh. Các giao dịch làm biến động tài sản và nguồn vốn Công ty.

(d) Các quy trình kỹ thuật nông nghiệp (bao gồm các công đoạn trồng, chăm sóc, phòng chống bệnh, khai thác/thu hoạch và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch...); quy trình quản lý đất đai, tài sản...; quy trình quản lý chất lượng về mùn cao su, sản phẩm trái cây; các dữ liệu, số liệu có liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐIỀU 6: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .

6.1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, dưới sự điều hành chỉ đạo của Trưởng ban. Các thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước trưởng ban, ĐHCĐ, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình theo lĩnh vực được phân công. Có quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản khi có quan điểm không thống nhất với đơn vị được kiểm soát.

6.2. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

6.3. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích theo quy định;

6.4. Trung thực, khách quan, thẳng thắn trong xử lý công việc;

6.5. Thu thập thông tin bằng nhiều phương pháp, thông qua nhiều kênh thông tin tiếp cận thực tế, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các Cổ đông;

6.6. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, chỉ ghi nhận sự việc và phản ảnh báo cáo với Ban điều hành, với HĐQT, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

6.7. Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin bí mật của Công ty.

CHƯƠNG III NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định tại điều 170 điều 171 luật doanh nghiệp năm 2020 và điều 41 điều lệ Công ty. Chủ yếu là những nhiệm vụ và quyền hạn theo các điều 7,8,9 sau đây:

ĐIỀU 7: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh.

7.1. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của các quy chế hoạt động trong công ty. Giám sát việc thực hiện các Quy chế đã được Chủ tịch HĐQT ký

ban hành; Giám sát việc thực hiện điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, các quy chế và nội quy đơn vị. Kiểm soát việc tính hợp pháp, trung thực, cần trọng trong việc ban hành các quyết định quản lý của Công ty.

7.2. Giám sát thực hiện định mức đầu tư, Giám sát các quy trình nghiệp vụ về mua bán hàng hóa, quy trình nghiệp vụ theo ISO 9001- 2015 liên quan đến kế toán, nhân sự, văn phòng. kỹ thuật, quản lý chất lượng. Giám sát công tác xây dựng cơ bản, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn.

7.3. Kiểm tra tính hợp lý và tính hợp pháp các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động, cân bằng lợi ích của người lao động với lợi ích Công ty và cổ đông, ngăn ngừa xung đột lợi ích gây bất lợi cho Công ty.

7.4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế, việc khắc phục các sai phạm qua các đợt thanh kiểm tra bên ngoài. Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với cổ đông và nhà đầu tư theo nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT.

7.5. Kiểm tra việc thể chế các quy định của Công ty tại các Công ty con và chi nhánh. Đảm bảo tính đồng nhất và xuyên suốt trong hệ thống quy chế trong công ty.

ĐIỀU 8 : Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong ghi chép sổ kế toán :

8.1. Giám sát việc thực hiện công tác tài chính kế toán Công ty.

8.2. Đánh giá tính hợp lý, tính hợp pháp, trung thực của chứng từ, hoá đơn tài chính, thông qua chương trình giám sát thường xuyên và kiểm tra định kỳ soát xét các chứng từ, hoá đơn, thủ tục hợp đồng kinh tế. Phát hiện kịp thời những sai sót bất hợp lý trong quá trình thực hiện, nhanh chóng đưa ra biện pháp thích hợp để khắc phục, tránh nguy cơ dẫn đến rủi ro tài chính cho Công ty.

8.3. Kiểm soát công tác hạch toán kế toán ghi chép sổ kế toán theo đúng chế độ kết toán nhà nước ban hành. Kiểm tra công tác kê khai và quyết toán thuế nhằm giảm sai sót và rủi ro tiềm tàng làm ảnh hưởng uy tín và tài chính Công ty. Kiểm soát các cơ chế tài chính trong việc thực hiện thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và quản trị chi phí đối với các chi nhánh.

ĐIỀU 9 : Kiểm soát báo cáo tài chính

9.1. Định kỳ thẩm định, kiểm tra tính chính xác, minh bạch, hợp lý, hợp pháp trong báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, và cả năm trước khi HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông và phát hành ra bên ngoài.

9.2. Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất nội dung quan điểm xử lý số liệu chưa đồng nhất để có lợi cho doanh nghiệp.

9.3. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần được ghi tại điểm c khoản 2 điều 13 - Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 10: Quyền hạn của Ban kiểm soát :

10.1. Trong quá trình kiểm soát, BKS có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và tiếp cận tất cả các tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra lưu giữ tại trụ sở chính Công ty, Công ty con và các đơn vị trực thuộc được quy định tại điều 171 luật doanh nghiệp năm 2020.

10.2. Khi cần thiết BKS có thể yêu cầu HĐQT phê duyệt trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm soát, kiểm tra trong một thời gian nhất định, hoặc có thể thuê các Công ty kiểm toán hoặc cá nhân có trình độ thích hợp thực hiện việc giám định khi cần thiết.

10.3 Ban kiểm soát được tham gia các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ và các cuộc họp của Ban quản lý công ty theo quy định trong điều lệ. Có quyền kiến nghị lên các cấp quản lý của Công ty liên quan đến những bất cập cần được hiệu chỉnh hoặc sai phạm cần được xử lý. BKS có quyền triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty khi HĐQT vì nhiều lý do khác nhau không tiến hành tổ chức được. Có quyền yêu cầu đảm bảo về điều kiện vật chất phương tiện làm việc và chế độ đào tạo nâng cao kiến thức theo quy định của Công ty.

10.4 Ban kiểm soát được hưởng chế độ đãi ngộ về lương, thưởng và phúc lợi theo quy định của Công ty.

CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 11: Trưởng BKS .

11.1. Trưởng BKS được bầu trong số thành viên BKS ;

11.2. Khi vắng mặt cần thiết Trưởng BKS có thể ủy quyền cho một thành viên BKS để duy trì hoạt động thường xuyên của BKS . Trưởng hợp Trưởng BKS không cử thì các thành viên BKS còn lại cử một người trong số họ làm đại diện.

11.3 Trưởng BKS có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm chính trong BKS, đại diện tham gia hội họp HĐQT và các buổi họp chuyên môn. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, chịu trách nhiệm đề xuất kiến nghị chuyên môn bố trí nơi làm việc, công cụ phương tiện làm

việc theo quy chế công ty, đảm bảo cho thành viên BKS phát huy tốt khả năng công việc của mình..

b) Lập chương trình kế hoạch hoạt động của BKS bao gồm các nội dung:

- Giám sát sự tuân thủ các nội quy, quy chế đã ban hành;
- Kế hoạch giám sát chứng từ hoá đơn, ghi sổ kế toán hàng tháng;
- Giám sát đôn đốc việc lập báo cáo tài chính hàng năm;
- Giám sát việc thực hiện các quy định về kế toán quản trị;
- Kiểm soát đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính khả thi của các hợp đồng kinh tế và dân sự ký giữa Công ty với khách hàng.

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp Kiểm soát, phân công các thành viên thực hiện chương trình đề ra.

d) Tổng hợp ý kiến đánh giá của các thành viên, tổ chức họp đánh giá cuối đợt kiểm tra. Lập báo cáo cho HĐQT và cổ đông hoặc người yêu cầu (nếu là cuộc kiểm soát đột xuất).

e) Lập kế hoạch phối hợp cộng tác chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban giám đốc Công ty con 100% đầu tư từ Dakruco, chi nhánh để thu xếp thời gian địa điểm cuộc kiểm soát. Trực tiếp trao đổi thảo luận với Ban điều hành, HĐQT về những vấn đề còn bất cập trong quản lý điều hành, trong công tác thực hiện chế độ chính sách và thực hiện nghĩa vụ nhà nước có ảnh hưởng đến Công ty, tránh rủi ro cho doanh nghiệp.

11.4. Đối với các Công ty con là Công ty cổ phần, công ty liên kết, trường ban có trách nhiệm nắm bắt tình hình thông qua người đại diện vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty hoặc các báo cáo chuyên môn của BKS tại công ty con về tình hình quản lý và sử dụng vốn của Dakruco đang đầu tư.

ĐIỀU 12: Thành viên Ban kiểm soát .

12.1. Thành viên Ban kiểm soát.

- Thành viên BKS được cổ đông và nhóm cổ đông đề cử và được đại hội đồng cổ đông bầu theo nhiệm kỳ quy định theo điều lệ Công ty.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do tính chất công việc, đặc thù nghề nghiệp, nên các thành viên BKS không được phép ủy quyền cho người khác làm việc thay mình.

- Thành viên BKS phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, tuân thủ sự điều hành chỉ đạo của trường BKS và có quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

12.2. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát :

- Khi số thành viên BKS bị giảm 2/3 so với quy định trong Điều lệ Công ty, thì phải kiến nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên BKS ;

- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu các thành viên mới để thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 13: Chương trình kiểm soát

13.1. Chương trình tổ chức 01 đợt kiểm soát: Định kỳ và đột xuất.

- Trường ban thông báo nội dung thành phần và thời gian, địa điểm kiểm soát, được gửi cho Công ty và các thành viên qua Fax, email, Skype, trước 3 ngày làm việc.

- Trình tự tiến hành:

+ Họp triển khai công tác kiểm tra: Thành phần gồm thành viên BKS, các cán bộ quản lý phòng ban có liên quan được kiểm tra, hoặc Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các phòng ban Công ty con, chi nhánh.

+ Thu thập thông tin số liệu, tài liệu bằng chứng liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát.

+ Đánh giá hồ sơ tài liệu số liệu trên báo cáo tài chính của từng đối tượng kế toán so với các chuẩn mực, so với quy định về kế hoạch, mục tiêu, quy chế, quy trình, nghị quyết của Công ty, Công ty con.

+ Kết luận các nội dung có đánh giá đúng - sai, tốt - xấu, đạt - chưa đạt ghi nhận bằng biên bản.

+ Cuộc họp kết thúc: Thành phần Ban lãnh đạo Công ty, cán bộ quản lý có liên quan hoặc Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các phòng ban Công ty con, chi nhánh (Nếu kiểm soát tại Công ty con hoặc chi nhánh) và các thành viên BKS . Thông qua dự thảo biên bản, thảo luận, giải thích đi đến thống nhất. Trường hợp có những bất đồng trái chiều về đánh giá một vấn đề nào đó thì ghi nhận ý kiến bảo lưu của cả hai bên.

- Phát hành báo cáo kiểm soát: BKS báo cáo cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các thành viên BKS và lưu hồ sơ. Nếu kiểm soát theo yêu cầu của Cổ đông thì gửi đến cho cổ đông biết. Trường hợp phát hiện sự việc bất thường có

ảnh hưởng lớn đến Công ty thì Ban Kiểm sát phải gửi báo cáo đến cho các Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên) của Công ty được biết.

- Trao đổi với Kế toán trưởng công ty và kiểm toán độc lập đến kiểm toán báo cáo Quyết toán tài chính công ty, những nội dung mà BKS phát hiện có thể bị xử lý vi phạm để thống nhất xử lý trước khi phát hành báo cáo kiểm toán.

13.2. Đối với công tác kiểm soát thường xuyên :

- Giám sát về tài chính kế toán tại văn phòng Công ty : BKS tiến hành giám sát tài chính thông qua chương trình kế toán tại văn phòng công ty. Định kỳ sẽ đăng ký lịch làm việc với phòng TC-KT để soát xét số liệu Tài chính - Kế toán và các nội dung liên quan đến chứng từ sổ sách, công tác hạch toán cũng như cơ chế tài chính tại văn phòng và chi nhánh.

- Đối với việc giám sát các công trình XD/CB và sửa chữa : BKS hiện được bố trí chuyên trách thường trực tại văn phòng công ty do đó để nắm bắt trực tiếp mang tính “Tiền kiểm” BKS sẽ có văn bản thống nhất với Ban điều hành để cùng với các bộ phận chuyên môn tham gia giám sát từ khi triển khai đầu tư XD/CB; sửa chữa tài sản đến kết thúc bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Ngoài ra BKS sẽ giám sát thường xuyên các nội dung liên quan đến : Việc thực hiện chế độ chính sách người lao động, Triển khai và thực hiện dự án; Tiến độ thực hiện sản lượng; Công tác bán hàng .v.v. thông qua mạng báo cáo hoặc trực tiếp làm việc với các bộ phận liên quan để thu thập hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm soát.

- Về công tác nắm bắt thông tin tại các chi nhánh : BKS thường xuyên xuống các chi nhánh để nắm bắt thông tin từ cán bộ quản lý và người lao động mà không có thông báo hoặc lịch làm việc trước. Kết quả thu được tùy theo mức độ (quan trọng, khẩn cấp, hay nhạy cảm) BKS sẽ báo cáo với HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc hoặc trực tiếp với các phòng ban chuyên môn hoặc phản ánh thông qua các cuộc họp của HĐQT hoặc chuyên môn, Các nội dung trọng tâm có thể phản ánh vào báo cáo hoạt động thường niên của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V :

MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 14: Quan hệ phối hợp của BKS trong Công ty

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo điều 55 của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và những nội dung cụ thể như sau:

14.1. Ban kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với HĐQT, thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của BKS; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

14.2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất (nếu có);

14.3. Trao đổi thống nhất với Ban điều hành về chương trình các cuộc kiểm soát trước khi thực hiện, Sau khi kiểm soát trao đổi với Tổng giám đốc những nội dung cần phải chấn chỉnh, khắc phục tránh sai sót khi các đoàn thanh kiểm tra bên ngoài phát hiện làm bất lợi cho công ty; Thống nhất những nội dung cần thiết ghi nhận biên bản và nêu trong báo cáo trước khi gửi lên HĐQT. Ban TGD chỉ đạo các phòng ban chuyên môn và chi nhánh bố trí nguồn lực, thời gian, cung cấp thông tin theo chương trình kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ. Những nội dung vi phạm nội quy, quy chế, quy trình, quy phạm pháp luật làm thất thoát tài sản thiệt hại cho Công ty, cho người lao động và cổ đông nếu được phát hiện sẽ kiến nghị Ban Tổng Giám đốc xử lý.

14.4. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Công ty và Công ty con phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty con theo yêu cầu của BKS, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. (theo điều 166 luật DN). Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho BKS và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty cũng như Công ty con.

14.5. Ban kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và Cổ đông của Công ty;

ĐIỀU 15: Quan hệ của BKS với cổ đông Công ty

15.1. Ban kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của Cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, báo cáo HĐQT và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của Cổ đông.

15.2. Những thông tin phản hồi cho BKS thông qua điện thoại, tin nhắn, trao đổi trực tiếp từ các cổ đông liên quan đến công tác quản lý và sản xuất kinh doanh, BKS có trách nhiệm điều tra xác minh và phải đảm bảo tính bí mật bảo vệ người đưa tin. Những nội dung phản hồi nếu phát hiện sai phạm (nếu cần) BKS sẽ thông

tin lại cho người cung cấp kết quả xác minh trên cơ sở xem xét các quy định của điều lệ công ty về những nội dung thông tin được cung cấp cho bên ngoài.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 16: Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ghi tại điều 3 của quyết định ban hành kèm theo bản quy chế này. Trưởng BKS có trách nhiệm triển khai thực hiện. Các thành viên BKS, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác trong Công ty, công ty con và Ban giám đốc các chi nhánh có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ BKS hoàn thành nhiệm vụ.

ĐIỀU 17: Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị bổ sung, sửa đổi được phản ánh trực tiếp cho Trưởng BKS để tập hợp xem xét, lấy ý kiến HĐQT-Ban Tổng giám đốc và điều chỉnh (nếu thấy cần thiết).

Quy chế này là một bước cụ thể hóa quy định về hoạt động công tác Kiểm soát tại CTCP Dakruco, Công ty con có vốn điều lệ 100% vốn Dakruco và các chi nhánh trực thuộc, theo luật doanh nghiệp năm 2020 và điều lệ Công ty. Quy chế này đã được lấy ý kiến rộng rãi các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các thành viên BKS công ty trước khi ban hành. Những nội dung liên quan chưa nêu hết trong bản quy chế này thì tham chiếu quy định của điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan để thực hiện.

**TM BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thạc Hoàn

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty của ông Nguyễn Văn Thảo.

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty V/v thỏa thuận miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023).

Căn cứ điểm i, khoản 2, Điều 16 Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk quy định Đại hội đồng cổ đông Công ty thảo luận và thông qua vấn đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023) của ông Nguyễn Văn Thảo với lý do: Công ty đã có định hướng bố trí ông Nguyễn Văn Thảo nhận công tác khác, nên không thể tiếp tục công tác tại Ban kiểm soát Công ty như hiện nay (*Có Đơn kèm theo*).

Xét thấy Đơn xin từ nhiệm của ông Nguyễn Văn Thảo là chính đáng. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023) đối với Nguyễn Văn Thảo theo quy định.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Người QTCT;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Lưu HĐQT, VT.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Viết Tượng

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: **Quý cổ đông Công ty.**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty của ông Nguyễn Văn Thảo.

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty V/v thỏa thuận miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023).

Căn cứ Đơn đề cử Thành viên Ban kiểm soát số 11/VBK-CT ngày 18/4/2022 của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Căn cứ điểm i, khoản 2, Điều 16 Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk quy định Đại hội đồng cổ đông Công ty thảo luận và thông qua vấn đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty nhận được Đơn đề cử nhân sự tham gia làm Thành viên Ban kiểm soát của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Xét thấy Đơn đề cử nhân sự của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty là hợp lệ, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023) đối với bà Nguyễn Thị Mai Quyên – Trưởng phòng Quản lý chất lượng của Công ty theo quy định (Có hồ sơ ứng viên kèm theo).

Kính trình !

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Phòng HC (đăng tải lên Website);
- Người QTCT;
- Lưu HĐQT, VT.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Việt Tượng

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Hội đồng quản trị Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty.

Tôi tên: NGUYỄN VĂN THẢO

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2018 – 2023) tôi được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty. Quá trình công tác tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

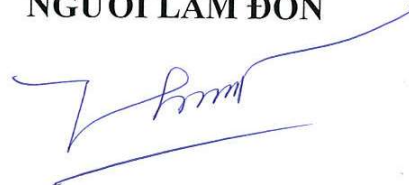
Tuy nhiên, theo định hướng về công tác cán bộ của Công ty sắp tới tôi được bố trí nhận công tác khác; do đó tôi không thể tiếp tục công tác tại Ban kiểm soát của Công ty được.

Vì vậy, tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị Công ty và Ban kiểm soát Công ty cho tôi được từ nhiệm tư cách Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023) tại Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

Buôn Ma Thuột, ngày 12 tháng 4 năm 2022.

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Nguyễn Văn Thảo

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco)
- Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Dakruco

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 06/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty V/v thỏa thuận miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023).

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty của ông Nguyễn Văn Thảo.

Căn cứ khoản 1, Điều 36 Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk quy định ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Việc ông Nguyễn Văn Thảo- Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát xin từ nhiệm nên Ban kiểm soát Công ty sẽ khuyết 01 Thành viên. Để đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát theo hướng tăng cường công tác kiểm soát quản trị rủi ro, Công đồng Nhà nước tại Dakruco hiện đang sở hữu 154.141.600 cổ phần (chiếm tỷ lệ 98,94%) đề cử 01 (một) nhân sự để làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty (kiêm nhiệm, không chuyên trách) nhiệm kỳ 1 (2018 – 2020) thay thế ông Nguyễn Văn Thảo. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ thường trú
1	Nguyễn Thị Mai Uyên	17-9-1970	052170012742 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Thạc sỹ Nông học	Số 33 Nguyễn Thượng Hiền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

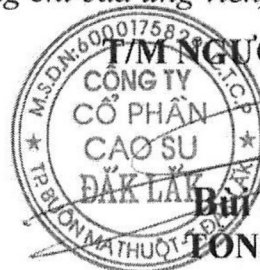
Chúng tôi cam đoan ông/bà có tên trên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử vào vị trí Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 1 (2018 – 2023).

Xin trân trọng cảm ơn!

(Hồ sơ kèm theo: Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai; Bản sao hộ khẩu; Bản cam kết của ứng viên; Văn bằng, chứng chỉ của ứng viên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Người Quản trị Cty;
- Lưu VT, NSPC.



Bùi Quang Ninh
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 1 (2018 – 2023)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk**

Tên tôi là: **NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN**

Ngày sinh: 17 – 9 – 1970

Quê quán: Xã Nhơn Hoà, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định

CCCD: 052170012742 ngày cấp: 10/05/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số 33 Nguyễn Thượng Hiền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học

Chức vụ, đơn vị công tác hiện tại: Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Thư ký Ban FSC Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk

Nếu được trúng cử làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty, tôi cam kết:

1. Đem hết năng lực và trách nhiệm của bản thân để góp phần xây dựng Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk phát triển ổn định, bền vững.
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty, các quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật.
3. Cung cấp các thông tin cá nhân cho việc quản lý của Công ty theo quy định trung thực, chính xác.

Trân Trọng!

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 4 năm 2022.

NGƯỜI CAM KẾT



Nguyễn Thị Mai Quyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA ỨNG VIÊN THAM GIABAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Họ và tên: NGUYỄN THỊ MAI QUYÊN
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 17 – 9 – 1970
4. Nơi sinh: Xã Nhơn Hoà, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt nam.
5. Dân tộc: Kinh. Quê quán: Xã Nhơn Hoà, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt nam.
6. Số CMND/Thẻ CCCD/(Hộ chiếu): 052170012742
7. Hộ khẩu thường trú: Số 33 Nguyễn Thượng Hiền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Nơi ở hiện nay: Số 33 Nguyễn Thượng Hiền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
8. Số điện thoại liên lạc: 0982111627.
9. Trình độ văn hóa: 12/12.
10. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học.
11. Quá trình công tác:

Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức vụ, đơn vị công tác
1989-1994	Học tại trường Đại học Tây Nguyên.
1994-1997	Trợ lý thống kê, kỹ thuật - Nông trường cao su K'Dang, Công ty cao su Mang Yang, Gia Lai.
1997-1998	Cán bộ kỹ thuật - Trung tâm khoa học kỹ thuật và Dịch vụ cao su, thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk.
1998-2008	Cán bộ kỹ thuật, Thư ký ISO, Phó phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Chế biến và Dịch vụ cao su, thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk.
2008-2010	Thư ký Ban ISO - Công ty Cao su Đắk Lắk.
2010-2014	Thư ký Ban ISO - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.

2014-2015	Phó phòng Hành chính, Thư ký Ban ISO - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.
2015-2018	Phó phòng Kỹ thuật, Thư ký Ban ISO - Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk.
2018-2021	Phó phòng Kỹ thuật, Thư ký Ban ISO - Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.
01/2022 - nay	Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Thư ký Ban FSC - Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk.

12. Chức vụ công tác hiện nay tại công ty DRG: Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Thư ký Ban FSC.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

13. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.

14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không.

15. Các khoản nợ đối với công ty (nếu có): không.

16. Các lợi ích liên quan đến công ty (nếu có): không.

17. Số cổ phần nắm giữ: 2.200 cổ phần, chiếm 0,0014% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,0000 % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 2.200 cổ phần, chiếm 0,0014 % vốn điều lệ.

18. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổng công ty (nếu có): không.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

Buôn Ma Thuột, ngày 19 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA
ĐỊA PHƯƠNG/CƠ QUAN CÔNG TÁC

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mai Quyên

QUY CHẾ**BẦU CỬ BỔ SUNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ I (2018-2023) TẠI PHIÊN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022.

I. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**Điều 1. Điều kiện để miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

- Thành viên Ban Kiểm soát được đề nghị miễn nhiệm Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 39, Điều lệ Công ty;
- Có đơn đề nghị của bản thân thành viên Ban Kiểm soát được đề nghị miễn nhiệm;
- Theo quy định của Pháp luật.

Điều 2. Bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi HĐQT Công ty trình bày Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ tiến hành bỏ phiếu miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, tương tự như bầu cử thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại mục III của Quy chế này. Nếu số phiếu biểu quyết trên 50% số cổ phần dự họp thì kết quả miễn nhiệm được chuẩn y và có hiệu lực ngay khi công bố kết quả.

II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**Điều 3. Số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát**

- Số lượng bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát là 01.
- Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là nhiệm kỳ 2018-2023

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
4. Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
5. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc nhân viên của Công ty.
6. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật.

Điều 5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết và có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 20% đến 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 40% đến 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 60% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm (05) ứng cử viên.

2- Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử bổ sung cho đủ số lượng cần bầu.

Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát

- Đơn xin đề cử, ứng cử tham gia thành viên Ban kiểm soát;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn xin đề cử, ứng cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu thành viên Ban kiểm soát.

III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. *Danh sách ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát:*

Được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. *Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:*

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự; Phiếu bầu được sử dụng để bầu thành viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát theo mã số tham dự (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

- Trường hợp ghi sai, nếu phiếu bầu chưa được bỏ vào thùng phiếu thì cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc.

- Phiếu bị rách, gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; phiếu bầu quá số người quy định hoặc đề phiếu trắng không bầu cho ai.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Điều 10. Phương thức bầu cử (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.

- Cổ đông có thể dồn hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một người, một số người hoặc cho tất cả các ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho ứng cử viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông cũng như không được vượt quá số ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Về ghi phiếu bầu:

Có 02 cách ghi phiếu bầu:

+ Bầu dồn lệch: Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên tại cột “bầu dồn lệch”. Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy theo sự tín nhiệm của người bầu đối với các ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu phân cho các ứng cử viên được chọn không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.

+ Bầu dồn đều: Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) vào cột “bầu dồn đều” tương ứng với số thành viên Ban kiểm soát mà cổ đông tín nhiệm.

Điều 11. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Ban Tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử.

+ Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu bằng phần mềm kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và kiểm phiếu trên phần mềm kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội, dữ liệu kiểm phiếu được lưu trữ tại Phòng Hành chính của Công ty, phiếu bầu được niêm phong và lưu trữ tại văn thư của Công ty.
- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 12. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên Ban kiểm soát

- Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Ban kiểm phiếu có hướng dẫn cụ thể tại ĐHĐCĐ.
- Nguyên tắc trúng cử thành viên ban kiểm soát: Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định là người có số phiếu bầu cao nhất.
- Kết quả bầu cử được ghi vào Biên bản bầu cử thành viên Ban kiểm soát .

Điều 13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 14. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu.

- Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử thì Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp kiểm tra lại.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 14 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 để biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay trong Cuộc họp./.

**TM. ĐẠI ĐỒNG ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Việt Tượng
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(Ngày 27/6/2021)

Cổ đông:		Số cổ phần:		
Số CMND/đăng ký KD		Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:		
TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022: (Theo Tờ trình số: 06/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022 của của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk.			
1.1	Sản lượng khai thác và chế biến mủ cao su: 6.164,12 tấn; sản xuất sợi chỉ thun : 2.900 tấn; sản lượng chuối tươi: 6.600 tấn; sản lượng mít quả: 700 tấn; sản lượng dứa MD ₂ : 100 tấn.			
1.2	Tổng doanh thu và thu nhập khác: 700.000 triệu đồng; tổng chi phí: 614.269 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế: 85.731 triệu đồng			
1.3	Chỉ tiêu đầu tư : 223.501 triệu đồng; trong đó : Đầu tư vườn cao su trồng mới và KTCB (tương ứng 4.607,69 ha): 131.123 triệu đồng; đầu tư khác: 63.212 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch. Dự án đầu tư NNUDCNC tại NT Cư Mgar chỉ triển khai khi hoàn thành thủ tục pháp lý.			
2	Ủy quyền HĐQT chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán năm 2022 (Theo Tờ trình số: 08/TTr-HĐQT, ngày 09/5/2022 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk)			
3	Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Tờ trình số: /TTr-HĐQT, ngày .../5/2022 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk: (3.1) Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 53.327,27 triệu đồng; (3.2) Quỹ thưởng người quản lý: 450,185 triệu đồng; (3.3) Quỹ đầu tư phát triển: 15.998,1 triệu đồng; (3.4) Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 14.158,8 triệu đồng; (3.5) Lợi nhuận còn lại tạm thời chưa chia cổ tức, chờ ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk: 35.476,98 đồng. (trong đó: Lợi nhuận các năm trước chuyển sang: 12.756,9 triệu đồng). ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc phân chia cổ tức khi có ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk.			
4	Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 (Theo tờ trình số: 09/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022 của HĐQT Dakruco), như sau: 4.1 Tổng quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý : 3.873,096 triệu đồng, trong đó người quản lý chuyên trách			

	là: 3.602,88 triệu đồng; người quản lý không chuyên trách là: 270,216 triệu đồng 4.2 Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 : 200 triệu đồng			
5	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Tờ trình số: 07/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đăk Lăk.			
6	Sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty theo Tờ trình số: 11/TTr-HĐQT ngày 09/5//2022 của HĐQT Công ty cổ phần cao su Đăk Lăk.			
7	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hoạt động năm 2022 (Có báo cáo kèm theo)			
8	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành (Có báo cáo kèm theo)			
9	Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán độc lập (Có báo cáo kèm theo)			
10.	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát (Có báo cáo kèm theo)			

Buôn Ma Thuột, ngày 27 tháng 6 năm 2022
Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu CD tổ chức

Ghi chú :

- Cổ đông đánh dấu (x) vào một trong các ô : Tán thành, không tán thành, không ý kiến
- Phiếu không hợp lệ là phiếu không có ý kiến nào hoặc có từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung biểu quyết



DAKRUCO

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh – TP. Buôn Ma Thuột- Tỉnh
Đắk Lắk

ĐT: +84 2623 865015 – Fax: +84 2623 865 041

Website: <http://www.dakruco.com>; Email:
caou@dakruco.com

PHIẾU MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Thông tin cổ đông:

Cổ đông/Người đại diện: **Nguyễn Viết Tượng**

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/Đăng ký kinh doanh: **240401901**

Mã số cổ đông tham gia đại hội: **DRG-0011**

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: **7.800 cổ phần**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm: 01 người

Tổng số phiếu biểu quyết miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát: **7.800 phiếu**

2. Miễn nhiệm:

STT	Danh sách miễn nhiệm	Bỏ dòn lệch	Bỏ dòn đều
1	Nguyễn Văn Thảo		
Tổng			7.800

3. Hướng dẫn:

cộng

Cổ đông có quyền bỏ hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu miễn nhiệm cho người xin miễn nhiệm. Tổng số phiếu miễn nhiệm không vượt quá tổng số phiếu được quyền miễn nhiệm ghi ở phần thông tin cổ đông; theo một trong hai cách sau:

- *Bỏ dòn lệch: Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu miễn nhiệm cho người xin miễn nhiệm tại cột “bỏ dòn lệch” tùy theo sự tín nhiệm đối với người xin miễn nhiệm nhưng tổng số phiếu miễn nhiệm không vượt quá tổng số phiếu được quyền miễn nhiệm ghi ở phần thông tin cổ đông.*
- *Bỏ dòn đều: Cổ đông bỏ hết phiếu miễn nhiệm cho người xin miễn nhiệm thì chỉ cần đánh dấu (X) tại cột “bỏ dòn đều”.*



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh – TP. Buôn Ma Thuột- Tỉnh Đắk Lắk

ĐT: +84 2623 865015 – Fax: +84 2623 865 041

Website: <http://www.dakruco.com>; Email: caou@dakruco.com

PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (Nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Thông tin cổ đông:

Cổ đông/Người đại diện: **Nguyễn Viết Tượng**

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/Đăng ký kinh doanh: **240401901**

Mã số cổ đông tham gia đại hội: **DRG-0011**

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: **7.800 cổ phần**

Số lượng thành viên bầu bổ sung Ban kiểm soát: 01 người

Tổng số phiếu biểu quyết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát: **7.800 phiếu**

2. Bầu cử:

STT	Danh sách bầu cử	Bầu dồn lệch	Bầu dồn đều
1	Nguyễn Thị Mai Quyên		
Tổng			7.800

3. Hướng dẫn:

cộng

Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông; theo một trong hai cách sau:

- *Bầu dồn lệch: Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho ứng cử viên tại cột “bầu dồn lệch” tùy theo sự tín nhiệm của người bầu đối với ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu ghi cho ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.*

- *Bầu dồn đều: Cổ đông bầu hết phiếu bầu cho ứng cử viên thì chỉ cần đánh dấu (X) tại cột “bầu dồn đều”.*

Số:

Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2022

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc (Dakruco) bắt đầu lúc 8 giờ ngày 27/6/2021 tại Hội trường tầng 1 - Trung tâm tiệc cưới khách sạn Dakruco; địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, với sự có mặt cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết chiếm% tổng số cổ phần của công ty Dakruco đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc ngày 27/6/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch thực hiện 2022;
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch nhiệm vụ 2022 của Ban điều hành Công ty Cổ phần cao su Đắc Lắc;
3. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2021 của Dakruco đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.
4. Báo cáo về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch 2022.

Điều 2. Thống nhất thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Tờ trình số 06/TTr-CT ngày 09/5/2022, bao gồm các chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Sản lượng khai thác và chế biến mủ cao su: 6.164,12 tấn; sản xuất sợi chỉ thun : 2.900 tấn; sản lượng chuối tươi: 6.600 tấn; sản lượng mít quả: 700 tấn; sản lượng dưa MD₂: 100 tấn;

2 Tổng doanh thu và thu nhập khác: 700.000 triệu đồng; tổng chi phí: 614.269 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế: 85.731 triệu đồng;

3. Chỉ tiêu đầu tư : 223.501 triệu đồng; trong đó : Đầu tư vườn cao su trồng mới và KTCB (tương ứng 4.607,69 ha): 131.123 triệu đồng; đầu tư khác: 63.212 triệu đồng. Trường hợp có phát sinh đầu tư khác, ngoài danh mục đầu tư trong kế hoạch, giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở điều tiết kế hoạch trong phạm vi tổng chi phí đầu tư theo kế hoạch. Dự án đầu tư NNUDCNC tại NT Cư Mgar chỉ triển khai khi hoàn thành thủ tục pháp lý.

Điều 3. Giao cho HĐQT căn cứ vào đề xuất của Ban kiểm soát, để lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán báo cáo Tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 theo Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022, đó là:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValues).

Điều 4. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và trích lập các quỹ theo Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày /5/2022, cụ thể:

1. Quỹ thưởng cho người quản lý Công ty : 450.185.810 đồng;
2. Trích quỹ đầu tư phát triển : 15.998.182.000 đồng;
4. Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi : 14.158.830.000 đồng;

5. Lợi nhuận còn lại tạm thời chưa chia cổ tức, chờ ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk: 35.476.980.120 đồng, trong đó có 12.756.905.532 đồng của các năm trước chuyển sang. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc chia cổ tức, khi có ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 5. Thống nhất quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành năm 2022 theo Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022, như sau :

1. Tổng quỹ tiền lương và thù lao của người quản lý năm 2022: 3.873,096 triệu đồng;

2. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 : 200,0 triệu đồng.

Điều 6. Thống nhất thông qua các nội dung bổ sung, bổ sung Điều lệ Công ty tại Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022.

Điều 7. Thống nhất thông qua các nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát tại Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 09/5/2022.

Điều 8. Miễn nhiệm và Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2018-2023)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Văn Thảo.

2. Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Mai Quyên – Trưởng phòng Quản lý chất lượng làm thành viên BKS.

Điều 9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Kèm theo Nghị quyết này bao gồm các văn bản đã trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên 2022 Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% trên tổng số các cổ phần tham dự cuộc họp có quyền biểu quyết và có hiệu lực từ ngày 27/6/2022.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- BKS, Ban điều hành Cty;
- Người quản trị Công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT;
- Phòng HC (đăng tải Website Cty)
- Lưu VT.

Nguyễn Viết Tượng